



**SIAM Brothers®**  
VIET NAM

● Dịch vụ hỗ trợ khách hàng: 18006129 - [www.siambrothersvn.com](http://www.siambrothersvn.com)



*Vững một niềm tin*  
*Bền cùng sóng gió*



**Doanh nghiệp xanh đồng hành cùng  
NGƯỜI DÂN VIỆT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2017**



**SIAM Brothers**  
VIET NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**

**Trụ sở chính:**

Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung,  
Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84-8-38912889 - Fax: 84-8-38912789

**Nhà máy Số 1 (Trực thuộc Công ty):**

87/1 Quốc lộ 1A, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Tp.  
Hồ Chí Minh,  
Tel: 84-8-38917435 - Fax: 84-8-37171937

**Nhà máy Số 2 (Trực thuộc Chi nhánh 1):**

Lô A, 201-202 Đường C, Khu Công Nghiệp Thái Hòa, 87/1 Quốc lộ  
1A, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Xã Đức Lập Hạ, Huyện  
Đức Hòa, Tỉnh Long An  
Tel: 84-0723-759542 - Fax: 84-0723-75942

**Nhà máy Số 3 (Trực thuộc Chi nhánh 2):**

Lô E - Đường số 7, Khu Công Nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ,  
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An Tel: 84-0723-759909 - Fax:  
84-0723-759909

[www.siambrothersvn.com](http://www.siambrothersvn.com)

## MỤC LỤC

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

<b>THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT</b>	04
<b>PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG</b>	
1. Thông tin khái quát	07
2. Quá trình hình thành và phát triển	08
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	11
3.1 Mô hình quản trị	
3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý	
4. Định hướng phát triển	12
4.1 Mục tiêu chiến lược cho giai đoạn từ 2017 - 2020	
4.2 Kế hoạch kinh doanh 2018	
4.3 Các chiến lược triển khai thực hiện mục tiêu	
5. Các nhân tố rủi ro	16
5.1 Rủi ro kinh tế	
5.2 Rủi ro luật pháp	
5.3 Rủi ro đặc thù ngành nghề	
5.4 Rủi ro môi trường	
5.5 Rủi ro môi trường	
<b>PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
2. Tổ chức và nhân sự	24
2.1 Hội đồng quản trị	
2.2 Ban giám đốc	
2.3 Ban kiểm soát	
2.4 Tình hình nhân sự công ty	
3. Các khoản đầu tư lớn	32
4. Các thành tựu trong năm	33
<b>PHẦN III - BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO</b>	
I. Báo cáo Ban Tổng Giám đốc	34
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
1.1 Môi trường kinh doanh năm 2017	
1.2 Tình hình thực hiện kế hoạch 2017 và kết quả SXKD trong năm 2017	
1.3 Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm	
2. Tình hình tài chính	37
2.1 Tình hình tài sản	
2.2 Tình hình nguồn vốn	
2.3 Nợ phải trả	
II - Báo cáo Hội đồng Quản trị	
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	38
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	39
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	39
III - Báo cáo Ban Kiểm soát	
1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát	40
2. Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát	40
3. Kết quả hoạt động Công ty và tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017	41
4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý	41
5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm	41
6. Một số kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS năm 2018	41
<b>PHẦN IV - QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
1. Hội đồng Quản trị	42
2. Các nghị quyết HĐQT trong năm	42
3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	44
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	45
<b>PHẦN V - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	46
<b>PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	51
1. Ý kiến kiểm toán	
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“ Là thương hiệu đầu ngành, thành công kinh doanh của chúng tôi được xây dựng dựa trên chuyên môn và bí quyết trong toàn bộ chuỗi giá trị từ nguyên liệu đến thành phẩm. Hiện nay SBVN đã xây dựng được cơ sở hạ tầng tại Việt Nam và tất cả đều đang hoạt động theo các tiêu chuẩn chất lượng cao nhất. ”

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam, tôi xin kính gửi lời chào trân trọng đến Quý vị Cổ đông, Quý vị Khách hàng và các Đối tác thân thiết của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.

Kính Thưa Quý vị!

Vào giữa thập niên 90, khi thị trường Việt Nam còn lạ lẫm với doanh nghiệp nước ngoài lúc đất nước mới mở cửa, chúng tôi đã tiên phong đưa sản phẩm của mình vào Việt Nam và gây dựng cơ sở vật chất để tạo dựng một doanh nghiệp bền vững, mang đến những sản phẩm chất lượng tốt nhất cho người tiêu dùng Việt Nam. Hơn hai mươi năm, nếu xét về vòng đời của doanh nghiệp thì là một con số còn thực sự khiêm nhường và nhỏ bé, nhưng xét về một khía cạnh khác, con số này đã chiếm một phần ba đời người. Trong khoảng thời gian quý báu đó, hai thế hệ của gia tộc đến từ Thái Lan chúng tôi đã dành trọn tâm huyết để xây dựng lên một doanh nghiệp toàn tâm toàn ý mong muốn đóng góp vào cuộc sống tươi đẹp hơn tại Việt Nam, mà cụ thể là người ngư dân ngày ngày đối mặt với sóng gió nơi biển xa. Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, ngày nay Siam Brothers Việt Nam tự hào khẳng định thương hiệu dây thừng Con Gà và Hải Mã của mình luôn đứng ở vị trí hàng đầu trong những sự lựa chọn của người ngư dân Việt.

Trong tình hình kinh tế có chiều hướng thay đổi tích cực nói chung, Siam Brothers Việt Nam cũng không ngừng nỗ lực để không bỏ qua bất kỳ cơ hội nào nhằm cải thiện hoạt động của doanh nghiệp và nâng cao khả năng phục vụ khách hàng. Tuy nhiên, nói riêng về lĩnh vực ngư cụ và ngành đánh bắt thủy hải sản, năm 2017 dường như chưa phải là một năm tốt nhất cho ngư dân và các doanh nghiệp trong ngành, bởi điều kiện thời tiết dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đang ngày càng trở nên khắc nghiệt, số lượng bão ngày càng nhiều, dày đặc hơn và mức độ ảnh hưởng cũng cao hơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng đánh bắt, tác động đến tâm lý ra khơi của những người mưu sinh nhờ vào biển; thêm vào đó, năm 2017 còn là năm nhuận nên thời điểm đánh bắt nhộn nhịp nhất cũng bị rơi ra khỏi năm tài chính từ đó gián tiếp ảnh hưởng đến các doanh nghiệp cung ứng cho ngành.

Trong bối cảnh thị trường nói trên, năm 2017, Siam Brothers Việt Nam đã nỗ lực hết mình để duy trì mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm và thành quả đạt được dù không phải là những con số lý tưởng, nhưng đã thể hiện được toàn bộ công sức mà đội ngũ quản lý và công nhân viên của Siam Brothers Việt Nam đã không ngừng duy trì trong suốt năm. Doanh thu đạt 525 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế TNDN là gần 130 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch đặt ra, tuy nhiên vẫn giữ vững xu thế tăng trưởng của công ty với mức tăng trưởng là 5% so với cùng kỳ.

Với tình hình cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt, kết quả ổn định mà công ty duy trì được trong năm 2017 nói chung và các năm gần đây nói riêng là minh chứng cho sự dẫn dắt đúng đắn của ban lãnh đạo và tinh thần nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhân lực luôn tận tâm vì công ty.

Năm 2018 sẽ mang đến nhiều cơ hội, nhưng cũng không ít thách thức lớn đang chờ đón. Chúng tôi đã sẵn sàng viết nên chương thành công tiếp theo của câu chuyện 20 năm của mình bằng cách chuẩn bị chu đáo toàn bộ các khía cạnh của doanh nghiệp. Để đa dạng hóa các hoạt động của Công ty, dự án nhà máy mới được kết hợp thêm nhiều loại máy nhập khẩu từ các nhà sản xuất máy chuyên dụng trên khắp thế giới là Ấn Độ và Trung Quốc để đáp ứng tốt hơn các mặt hàng đang có nhu cầu lớn trên thị trường. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cũng được công ty chú trọng phát triển nhằm tối đa năng lực sản xuất của công ty, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và mở rộng thị trường cạnh tranh. Bên cạnh việc đầu tư và phát triển, công ty cũng không quên tăng cường sức mạnh nội bộ thông qua việc đào tạo, định hướng sự nghiệp cho nhân viên, đào tạo thế hệ điều hành tiếp theo cho doanh nghiệp. Và một điều quan trọng nhất nữa, không đi ngược lại xu thế của thời đại, chúng tôi đang phấn đấu trên mọi phương diện để xây dựng một doanh nghiệp xanh, đặt môi trường làm yếu tố hàng đầu trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Một lần nữa, tôi thay mặt các thành viên HĐQT gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác vì đã luôn tin tưởng và ủng hộ chúng tôi, và xin cam kết duy trì tăng trưởng công ty một cách bền vững nhất, mang đến lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác của Siam Brothers Việt Nam.  
Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

VEERAPONG SAWATYANON



## PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

### 1. Thông tin khái quát

#### TÂM NHÌN



Khát vọng của chúng tôi là không ngừng cải thiện đời sống của cộng đồng ngư dân trên mọi phương diện và kiến tạo một tương lai ngày càng tươi sáng hơn. Tâm nhìn của chúng tôi là xây dựng lên một thành phố cảng cá với một cảng cá hiện đại, các nhà máy xử lý thủy hải sản có khả năng tiếp nhận ngay lượng sản phẩm vừa đánh bắt về và đóng góp giá trị vào ngành thủy hải sản, giúp những sản phẩm làm ra được quảng bá tại thị trường trong nước và quốc tế ở một mức giá cạnh tranh hơn. Thành phố cảng cá này cũng sẽ có các cơ sở hạ tầng thiết yếu khác như trường học, bệnh viện, khu trung tâm mua sắm. Tất cả những yếu tố trên sẽ cống hiến vào sự đổi mới và cải thiện dần đời sống của cộng đồng nghề cá và cán bộ công nhân viên của Công ty.

#### SỨ MỆNH



Sứ mệnh của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam là trở thành nhà cung cấp hàng đầu đối với các công cụ sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản ở khu vực ASEAN. Là một nhà cung cấp hàng đầu đồng nghĩa với việc chúng tôi phải đạt được hiệu quả hoạt động xuất sắc, mang đến mức độ hài lòng của khách hàng cao nhất trong ngành bằng cách cung cấp những sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chất lượng cao theo những phương thức sáng tạo và sinh lợi nhất, ngoài ra còn là hiệu quả hoạt động tài chính cao nhất và xây dựng được giá trị cao nhất cho cổ đông, đồng thời xây dựng một môi trường làm việc năng động và đầy thách thức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của mình.

#### KHUNG NĂNG LỰC & GIÁ TRỊ CỐT LÕI



## 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### 2.1. Giới thiệu chung

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM  
 Tên giao dịch đối ngoại: SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY  
 Tên viết tắt: SBVN  
 Mã chứng khoán: SBV  
 Logo:



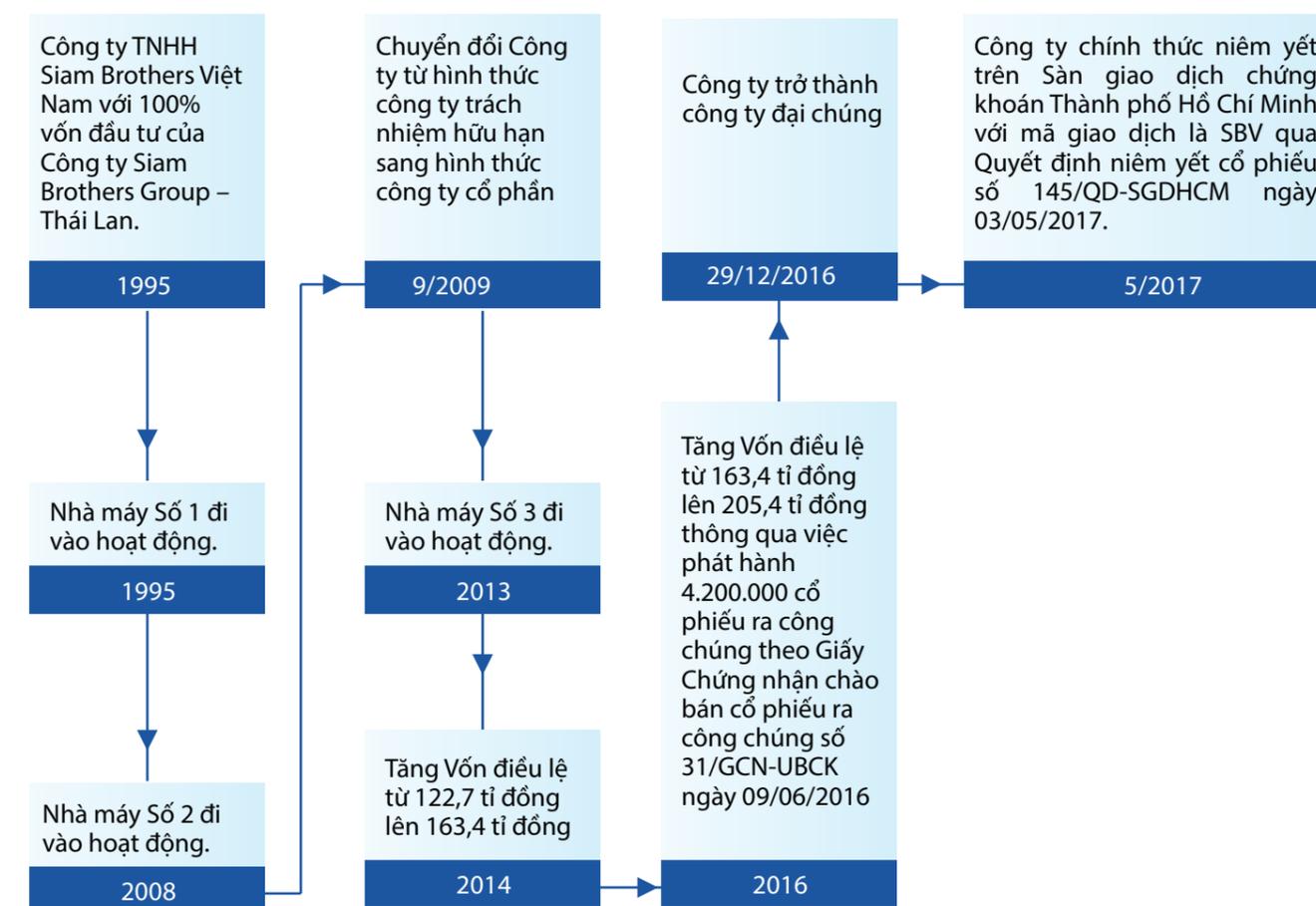
Địa chỉ: Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (08) 38 912 889 Fax: (08) 38 912 789  
 Website: www.siambrothersvn.com  
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy Chứng nhận ĐKKD: mã số doanh nghiệp 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 07/07/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 01 năm 2018.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bền dùng trong nông, ngư nghiệp.	1324
2	Sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp.	2220
3	Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính.	6201
4	Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS (theo quy định của Biểu Thuế Xuất khẩu – Nhập khẩu) như sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp: 5608, 5607, 8539, 8421, 8418, 3916, 3926, 3208; các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803.	4699

Vốn điều lệ thực góp: 273.664.760.000 (Hai trăm bảy mươi ba tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

### 2.2. Quá trình hình thành, phát triển 2.2.1 Lịch sử hình thành và quá trình phát triển:

## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



### 2.2.3 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty định hướng và phấn đấu để trở thành nhà sản xuất và cung cấp các sản phẩm với chất lượng tốt nhất, phục vụ cho ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, vận tải biển, công nghiệp và nông nghiệp hàng đầu tại Đông Nam Á. Công ty được thành lập năm 1995, đăng ký hoạt động với số vốn đầu tư là 6.097.000 USD, trong đó Vốn pháp định là 2.000.000 USD. Đến Tháng 7 năm 2008, Công ty đã thực hiện đăng ký lại doanh nghiệp và được UBND TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu với Vốn điều lệ là 33.600.000.000 đồng (tương đương 2.100.000 USD). Công ty đã thực hiện chuyển đổi Công ty từ hình thức TNHH thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 80 tỉ đồng (4.480.000 USD) vào Tháng

9 năm 2009. Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 122.700.000.000 đồng (6.513.333 USD) vào tháng 6/2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 do UBND TP. HCM cấp ngày 3/6/2013. Năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 163,4 tỷ đồng. Năm 2016, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 205,4 tỷ đồng. Năm 2017, công ty thực hiện tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên thành 273.664.760.000 đồng.

Công ty đã thực hiện 7 đợt tăng vốn kể từ khi đăng ký chuyển đổi thành công ty cổ phần. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng : Quá trình tăng vốn của công ty

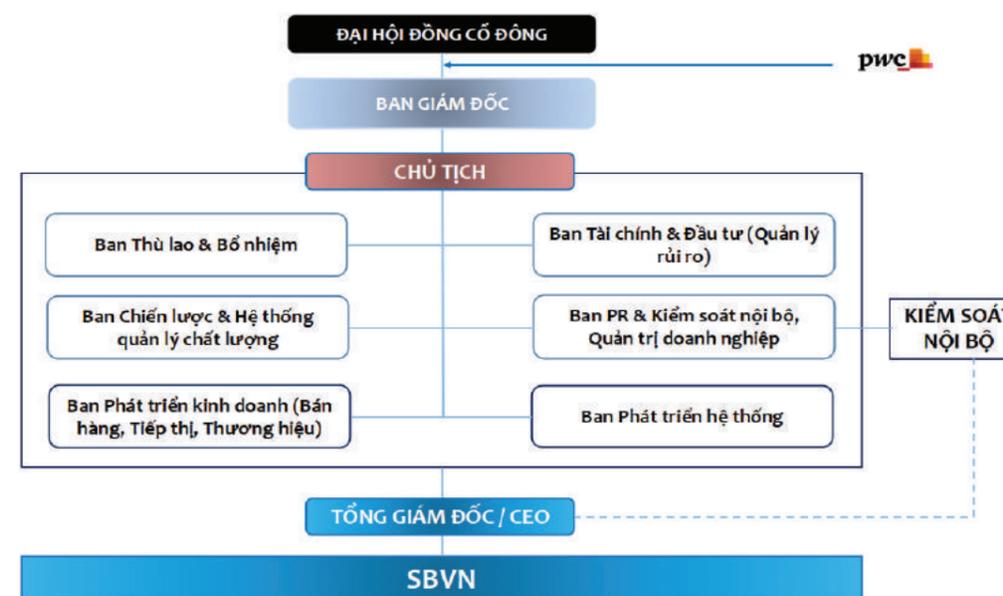
Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)			Hình thức tăng	Đơn vị phê duyệt/cấp
	Trước khi tăng	Tăng thêm	Sau khi tăng		
Tháng 7/1995				Thành lập Công ty với vốn pháp định là 2.000.000 USD	Ủy Ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư
Tháng 7/2008			33,6	Đăng ký lại doanh nghiệp	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu)
Tháng 9/2009	33,6	46,4	80,0	Chuyển đổi doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, góp thêm vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới.	UBND TP. HCM (Giấy Chứng nhận đầu tư số 411033000030 ngày 08/09/2009)
Tháng 6/2013	80,0	42,7	122,7	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 ngày 3/6/2013)
Tháng 6/2015	122,7	40,7	163,4	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 theo tỉ lệ 3:1.	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 5 ngày 30/6/2015)
Tháng 9/2016	163,4	42	205,4	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 09/06/2016 của UBCKNN
Tháng 11/2017	205,4	68,26	273,66	Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2017 theo tỉ lệ 3:1.	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 9 ngày 22/01/2018)

### 3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

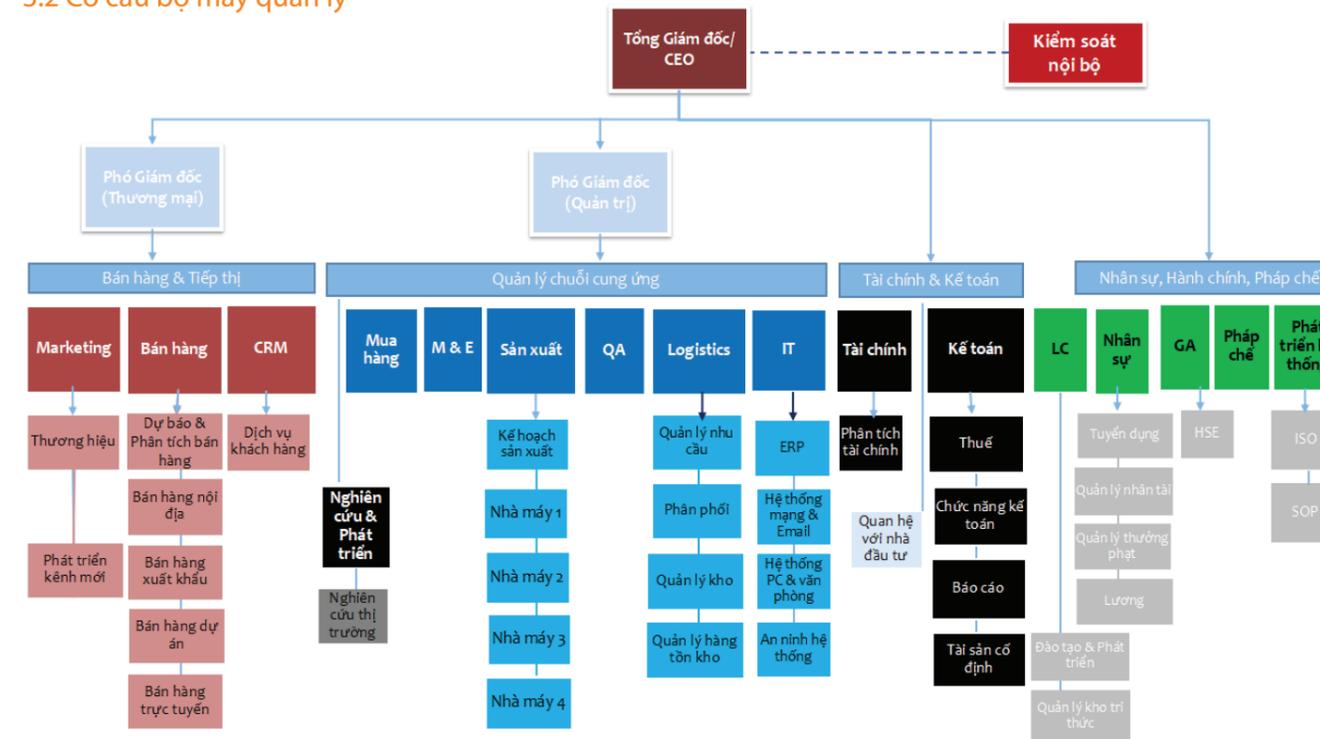
#### 3.1 Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan. Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình dưới đây:

HÌNH: SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ



#### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



## 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 4.1 Mục tiêu chiến lược cho giai đoạn 2017-2020

Kể từ thời điểm niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 5/2017, cổ phiếu của công ty với mã SBV đã thể hiện được một sức hút khá ổn định với các nhà đầu tư và hiện nay giá trị vốn hóa thị trường của công ty đã có thời điểm đạt đến 1,149,391,992,000 đồng, ứng với giá cổ phiếu là 42,000 đồng vào phiên giao dịch ngày 04/08/2017, chứng tỏ mức độ tự tin của thị trường đối với cổ phiếu còn non trẻ này. Để đáp lại sự kỳ vọng đó, SBVN sẽ nỗ lực mở rộng sang các lĩnh vực khác như nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản, đồng thời củng cố vị thế trong lĩnh vực ngư nghiệp trong các năm tới.

Với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm duy trì ở 10% trong năm năm qua, chúng tôi tự tin rằng mục tiêu đạt được doanh thu 1.000 tỷ đồng đã đặt ra cho đến năm 2020 hoàn toàn khả thi và thực tế. Để đảm bảo đạt được mục tiêu này, SBVN tiếp tục triển khai 8 chiến lược trụ cột, bao gồm xây dựng thương hiệu, cải tiến, phát triển kênh và mạng lưới, phát triển bền vững, hoạt động hiệu quả, nguồn vốn thông tin, phát triển tài năng và thay đổi văn hoá doanh nghiệp.

Chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung vào tăng trưởng hữu cơ như một động lực chính cho sự phát triển bền vững, đồng thời đầu tư vào các đơn vị kinh doanh mới, ví dụ như các mặt hàng ngư cụ, và các lĩnh vực mới như nông nghiệp và nuôi trồng, bởi công ty biết được rằng sự kết hợp các lĩnh vực này sẽ giúp công ty đạt được mục tiêu đầy tham vọng mà mình đã đặt ra.

Để đạt được mục tiêu đặt ra là 1.000 tỷ đồng doanh thu hàng năm vào năm 2020, chúng tôi tiếp tục phát triển và đảm bảo rằng các kế hoạch kinh doanh của công ty sẽ giúp tối ưu hóa tất cả cơ hội và đương đầu với mọi thách thức phía trước cùng những yêu cầu cơ bản về quản lý thận trọng trong tất cả các khía cạnh cạnh tranh. Đánh giá rủi ro hoạt động và rủi ro tài chính trở thành một cơ sở bắt buộc khi đưa ra bất kỳ quyết định kinh doanh quan trọng nào. SBVN nhận ra được sự cạnh tranh ngày càng tăng trong và ngoài nước và áp lực chi phí gia tăng mỗi năm. Điều này càng đặc biệt quan trọng khi nguyên liệu đầu vào chủ chốt của công ty là polyethylene và polypropylene trong tình hình giá dầu tăng đều hàng năm. Chúng tôi cũng đang tăng cường hiệu quả giám sát để quản lý tốt, thực hành đạo đức và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Trong một môi trường hoạt động năng động, đòi hỏi tốc độ phản ứng nhanh với định hướng về tương lai, lợi thế cạnh tranh của chúng tôi đến từ việc xây dựng một doanh nghiệp với năng lực đa dạng, được truyền tải qua hoạt động lãnh đạo đúng đắn, tầm nhìn rõ ràng và các chiến lược chắc chắn.

### 4.2 Kế hoạch kinh doanh 2018

- Sản lượng: 8.200 tấn (1.400 tấn xuất khẩu, 6.800 tấn nội địa).
- Doanh thu: 668 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 124 tỷ

### 4.3 Các chiến lược triển khai thực hiện mục tiêu

<b>Xây dựng sự kết nối tinh thần</b>	<b>Xây dựng các kênh bền vững</b>	<b>Cung cấp các sản phẩm &amp; dịch vụ chất lượng cao theo các phương thức sáng tạo &amp; sinh lời</b>	<b>Xây dựng đội ngũ có tinh thần đóng góp và cam kết cao</b>
<b>Xây dựng thương hiệu</b>	<b>Phát triển &amp; quản lý kênh</b>	<b>Hiệu quả hoạt động</b>	<b>Thay đổi văn hóa công ty</b>
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng một cộng đồng trung thành với thương hiệu</li> <li>2. Tăng giải pháp giá trị</li> <li>3. Cải thiện chất lượng CRM &amp; liên lạc với khách hàng.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phát triển kênh phân phối thông minh.</li> <li>2. Tối ưu hóa hiệu quả của mạng lưới phân phối.</li> <li>3. Phát triển năng lực đội ngũ bán hàng.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nâng cao hiệu quả sản xuất</li> <li>2. Cải thiện hoạt động của chuỗi cung ứng (kế hoạch cung - cầu, quản lý tồn kho, quản lý chi phí hậu cần)</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng văn hóa thích ứng với thay đổi và dựa trên cơ sở kết quả công việc</li> <li>2. Điều chỉnh các kỹ năng và năng lực chủ chốt</li> <li>3. Xây dựng và duy trì đội ngũ nhân tài</li> <li>4. Khuyến khích học hỏi liên tục.</li> </ol>

#### XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU

Qua nhiều năm hoạt động kinh doanh, SBVN đã và đang đầu tư xây dựng các thương hiệu mạnh cho sản phẩm dây thừng của mình. Ngày nay, không còn nghi ngờ gì nữa khi thương hiệu "Con gà" của chúng tôi đã được nhận biết một cách mạnh mẽ trong thị trường nội địa, đặc biệt đối với những người sử dụng cuối cùng là ngư dân và các chủ tàu. Để giúp thương hiệu "Con Gà" ngày càng mạnh mẽ hơn, SBVN tiếp tục đầu tư nguồn lực marketing của mình để xây dựng xây dựng mối liên hệ "tinh thần" gắn kết hơn bằng cách tận dụng mạng lưới các nhà phân phối và cửa hàng bán lẻ rộng khắp đất nước. Chiến lược xây dựng thương hiệu toàn diện vẫn tiếp tục duy trì và tập trung vào khẩu hiệu "chất lượng đáng tin cậy", và tận dụng mọi hoạt động truyền thông để tạo ra niềm tin của khách hàng vào chất lượng sản phẩm.

Mở rộng ra bên ngoài thị trường nội địa, SBVN cũng tiếp tục xem xét đầu tư phù hợp để mở rộng thương hiệu đến những thị trường nước ngoài mà sản phẩm của SBVN đã vươn đến.

#### CẢI TIẾN

Đối với SBVN, cải tiến luôn là một nền tảng chiến lược để thúc đẩy tiến bộ công nghệ và các giải pháp sáng tạo nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh cạnh tranh và bền vững. Bộ phận nghiên cứu & phát triển của chúng tôi luôn nỗ lực đưa ra nhiều sản phẩm sáng tạo và cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự hài lòng của người tiêu dùng cuối cùng. Các dự án nghiên cứu của chúng tôi luôn bắt đầu với câu hỏi "SBVN có thể làm được những gì để đáp ứng nhu cầu cơ bản của người tiêu dùng và làm thế nào để họ hài lòng?" với những xem xét kỹ lưỡng về tính bền vững chức năng, an toàn và môi trường của sản phẩm.

Hệ thống cải tiến của SBVN dựa trên kết quả nghiên cứu sơ bộ của các cơ sở nghiên cứu nội bộ với sự hỗ trợ của các cơ quan nghiên cứu hàng đầu trong ngành, những kết quả này sau đó được thử nghiệm với một số người tiêu dùng chọn lọc để thu thập phản hồi và ý kiến đầu vào của họ trước khi tung ra các sản phẩm cuối cùng.

### PHÁT TRIỂN KÊNH & MẠNG LƯỚI

SBVN tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng thông qua các chiến lược chính: a) tăng trưởng hữu cơ bằng cách tăng giá trị cho các sản phẩm dây thừng đa dạng, kết hợp với việc mở rộng bán hàng vào mạng lưới nội địa với hơn 600 nhà phân phối và cửa hàng bán lẻ; b) cải tiến sản phẩm dây thừng và giới thiệu các thiết bị hỗ trợ khác phục vụ cho ngành ngư nghiệp, cùng với c) phát triển các kênh mới trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp.

Từ năm 2010, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra hàng loạt quyết định quan trọng về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020 với định hướng đến năm 2030, nhấn mạnh đến các khu bảo tồn biển và phát triển thủy hải sản bền vững. Sự gia tăng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản mở ra cơ hội cho SBVN tham gia vào lĩnh vực này và năm 2017, công ty đã phân bổ được nguồn lực cũng như xây dựng được nguồn nhân lực để phát triển các kênh phân phối và các đối tác cho ngành này để tăng cường tăng trưởng kinh doanh.

Mở rộng thị trường nước ngoài là một trong những chiến lược cốt lõi của SBVN với khát vọng mở rộng thương hiệu dây thừng vượt khỏi thị trường trong nước. Qua nhiều năm, chúng tôi đã tập trung vào các thị trường mới nổi ở Đông Nam Á (Campuchia, Indonesia, Malaysia, Myanmar, Singapore) và các thị trường quốc tế khác như Nhật Bản, Nicaragua, Na Uy, Sri Lanka, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Brazil, v.v.... Chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi hiện diện của sản phẩm mang nhãn hiệu của SBVN sang các thị trường mới nổi này và mở rộng phạm vi hoạt động tại các thị trường nước ngoài. Sự thành công của động thái này sẽ rất quan trọng cho sự tăng trưởng trong tương lai của công ty và giảm sự phụ thuộc vào thị trường trong nước. SBVN sẽ tiếp tục xây dựng các mô hình kinh doanh hướng đến các thị trường xuất khẩu mới phát triển này.

### TÍNH BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là trách nhiệm thiết yếu đối với bất kỳ tổ chức tiến bộ nào và là một trong những trụ cột chính trong chiến lược phát triển của SBVN. Các nguyên tắc dẫn lối của chúng tôi về phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh gồm việc giải quyết các rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong hoạt động, thúc đẩy hoạt động bền vững trong chuỗi cung ứng và tạo ra các giá trị chung trong cộng đồng.

Hiểu được những rủi ro ESG là một yếu tố quan trọng trong ngành ngư nghiệp. Sự phức tạp của chuỗi cung ứng toàn cầu thường vượt khỏi sự kiểm soát của một doanh nghiệp đơn lẻ và đặt trách nhiệm lên vai nhiều đơn vị hữu quan trong suốt chuỗi cung ứng. Thông qua đạo đức kinh doanh, các chương trình kiểm soát tuân thủ xã hội cũng như phối hợp với các cơ quan chính phủ, công ty đang nỗ lực giảm thiểu những rủi ro trong chuỗi cung ứng của chính mình để mang những sản phẩm có tính trách nhiệm đến với khách hàng.

Chúng tôi nhận thấy rằng sự phát triển của hoạt động kinh doanh không chỉ liên quan đến tăng trưởng doanh thu mà còn về là sự quan tâm đến ngày mai. Khi hoạt động kinh doanh mở rộng, chúng tôi quyết tâm không ngừng khám phá các cơ hội và nghiên cứu các biện pháp hiệu quả để giảm thiểu tác động môi trường.

### HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ

Là thương hiệu đầu ngành, thành công kinh doanh của chúng tôi được xây dựng dựa trên chuyên môn và bí quyết trong toàn bộ chuỗi giá trị từ nguyên liệu đến thành phẩm. Hiện nay SBVN đã xây dựng được cơ sở hạ tầng tại Việt Nam và tất cả đều đang hoạt động theo các tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

SBVN hiện đang vận hành 3 nhà máy và định hướng đến cuối năm 2018, nhà máy thứ tư sẽ đi vào hoạt động với công suất thiết kế là 4.000 tấn / năm. Như vậy, tổng công suất của các nhà máy sẽ được nâng lên thành 14.000 tấn/năm. Các nhà máy của SBVN đều đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng cao nhất, bao gồm ISO 9001:2015 và ISO 14001.

Để duy trì sự cạnh tranh về chi phí sản xuất, SBVN hiện đang sử dụng các công cụ hiệu quả như Kaizen, TPM, Six Sigma và sản xuất tinh gọn trong các cơ sở sản xuất. Đội ngũ CBCNV luôn cải thiện liên tục để giảm thiểu chi phí chuyển đổi, tăng năng suất tổng thể và hợp tác với các đơn vị kiểm toán độc lập để xem xét và cải tiến quy trình, kiểm toán hoạt động và cung cấp cho chúng tôi những ý kiến đóng góp và đề xuất cải tiến để tăng mức độ tập trung hơn vào khách hàng, tăng tính trách nhiệm và củng cố tổ chức.

### NGUỒN VỐN THÔNG TIN

Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và tốc độ cao ngày nay, tốc độ tiếp cận thông tin với các hoạt động thiết yếu để ra quyết định trong việc quản lý một doanh nghiệp là cực kỳ quan trọng đối với bất kỳ tổ chức nào. Nguồn vốn thông tin bao gồm hệ thống phần cứng, hệ thống ứng dụng kinh doanh, cơ sở hạ tầng mạng, cơ sở dữ liệu và hệ thống di động, cung cấp thông tin và kiến thức sẵn có cho tổ chức từ đó trở thành yếu tố trọng yếu nhất của doanh nghiệp.

Cũng như nguồn nhân lực, nguồn vốn thông tin có giá trị nhất định trong chiến lược kinh doanh của SBVN. Việc phân phối và sử dụng hiệu quả nguồn vốn thông tin sẽ hỗ trợ đắc lực cho sự vận hành của các quy trình nội bộ quan trọng của công ty đối cũng như sự đổi mới, quản lý khách hàng, quản lý hoạt động và quản lý nguồn nhân lực và giúp cho SBVN đạt được mục tiêu đầy tham vọng vào năm 2020.

Do đó, mục tiêu đến giữa năm 2018, SBVN sẽ hoàn tất việc triển khai một hệ thống ERP (Hoạch định Tài nguyên Doanh nghiệp) dựa trên nền tảng đám mây để hỗ trợ các quy trình quản lý hoạt động quan trọng với mục đích tinh giản việc quản lý chuỗi cung ứng (SCM) và lập kế hoạch cho yêu cầu sản xuất (MRP). Nhờ việc các hệ thống máy tính có thể tự động thực hiện các hoạt động thông thường và thường xuyên, CBCNV của SBVN có thể tập trung phát triển các kỹ năng mềm khác như kỹ năng phân tích để giúp quản lý hoạt động tốt hơn trong những năm tới.

### PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG

Đầu tư vào con người là chiến lược rất quan trọng để hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh và là chìa khóa thành công của SBVN. Tại SBVN, mỗi nhân viên đều được công nhận giá trị đối với công ty. Do đó, phát triển nhân viên ở mọi cấp độ không chỉ là một phần của chiến lược nhân sự cốt lõi của chúng tôi mà còn là sự cam kết liên tục của ban lãnh đạo.

Để thúc đẩy chương trình phát triển tài năng một cách hiệu quả, nhân viên bộ phận nhân sự của chúng tôi hợp tác chặt chẽ với các cấp quản lý và nhân viên, đôi khi với cả sự hỗ trợ của các chuyên gia nhân sự bên ngoài để đạt được kết quả học tập và phát triển. Chúng tôi đánh giá và phát triển tài năng của nhân viên trong mỗi lĩnh vực hoạt động để nâng cao năng lực của họ và chuẩn bị cho vai trò cao hơn trong tương lai. Chúng tôi tạo ra một cách tiếp cận thực tiễn để đảm bảo mang đến những chương trình phát triển hữu ích, hỗ trợ những khát vọng của doanh nghiệp. Các chương trình này gồm những dự án liên chức năng, luân chuyển công việc, tăng cường nhiệm vụ, và các chương trình huấn luyện/phản hồi và đào tạo trong lớp.

Là một phần của dự án triển khai phần mềm ERP, công ty sử dụng dự án IT này để phát triển và nuôi dưỡng một nhóm nhân viên đã được đào tạo về các quy trình hoạt động mới cũng như quá trình triển khai hệ thống ERP. Công ty định hướng phát triển nhóm nhân viên này như là thể hệ lãnh đạo tương lai của công ty bằng cách giao cho họ những nhiệm vụ và vai trò giúp tôi luyện kỹ năng lãnh đạo trong tương lai. Chương trình này bao gồm cả việc luân phiên công việc trong và liên chức năng, trong một môi trường học tập không ngừng, đào tạo bài bản và phát triển chuyên nghiệp.

### THAY ĐỔI VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trong môi trường kinh doanh mới ngày nay, hơn bao giờ hết, các bên liên quan yêu cầu doanh nghiệp hoạt động theo một phương cách có trách nhiệm. Khi trở thành một công ty đại chúng, ngoài áp lực từ việc không ngừng nâng cao lợi nhuận, các cổ đông cũng mong đợi SBVN ngày càng nâng cao tiêu chuẩn về trách nhiệm tuân thủ và giải trình. Đạt được mục tiêu tăng trưởng đặt ra hàng năm cũng là một điều mà nhà đầu tư kì vọng ở công ty và đội ngũ quản lý.

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào có mong muốn xây dựng một tổ chức hoạt động hiệu quả, việc chắc chắn cần phải giải quyết là vấn đề thay đổi văn hoá – sự sắp xếp và tổ chức đội ngũ quản lý để chung tay thực hiện và chia sẻ cùng một tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi. Để chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi này, SBVN đã khởi động một cuộc hành trình mới từ đầu năm 2016 để xác định lại năng lực và các giá trị cốt lõi của đội ngũ CBCNV.

Điều này đã tạo ra được một khung đánh giá năng lực như đã được nêu ở phần thông tin chung về công ty, và từ đây cũng chính là bước khởi đầu cho công cuộc xây dựng văn hóa mới của doanh nghiệp. Khung năng lực này chính là những viên gạch nền tảng để xây dựng nên văn hóa của công ty. Một doanh nghiệp có giá trị mạnh mẽ sẽ có hiệu quả cao trong những hoạt động của mình, do đó, SBVN tập trung vào các giá trị: Tôn trọng, Trách nhiệm, Minh bạch, Tin tưởng và Kaizen.

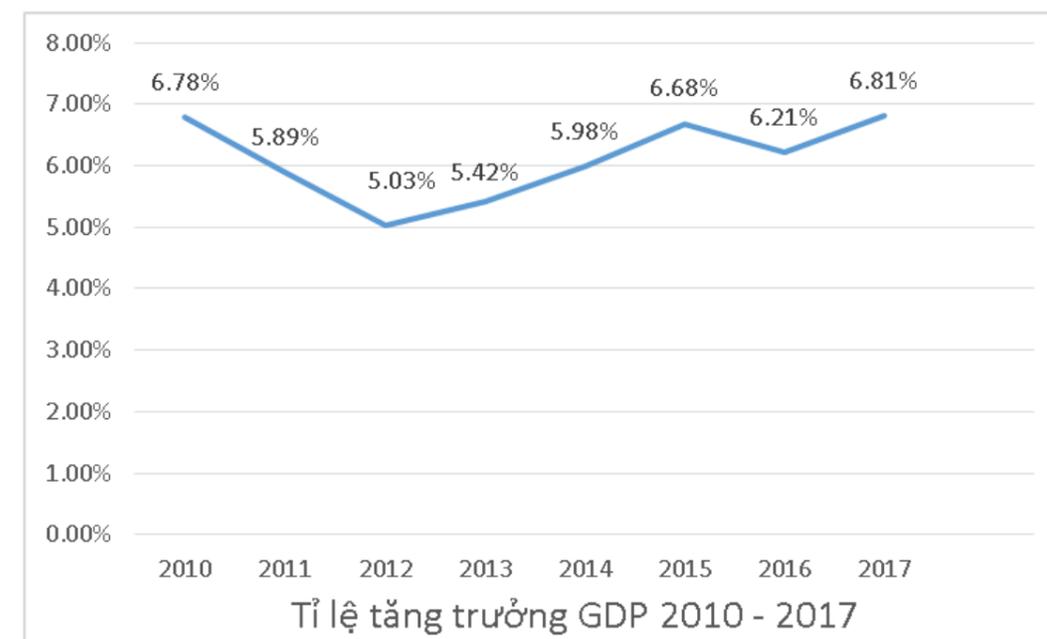
## 5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty đã nhìn nhận được một số rủi ro trong nền kinh tế, rủi ro về pháp luật, rủi ro đặc thù ngành nghề và một số rủi ro khác, đồng thời xem xét và áp dụng các rủi ro này trong quá trình xây dựng kế hoạch kinh doanh và các chiến lược hành động của mình.

### 5.1 Rủi ro về kinh tế

#### Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một trong những tiêu chí quan trọng nhất phản ánh thực trạng nền kinh tế. Khi tốc độ tăng trưởng GDP cao, sức cầu của nền kinh tế tăng lên và ngược lại khi tốc độ tăng trưởng thấp sức cầu của nền kinh tế có chiều hướng giảm.



Tỷ lệ tăng trưởng GDP 2010 - 2017

Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2017 tăng so với năm 2016, đạt 6,81%, con số này cao hơn mục tiêu 6,7% đã được Quốc hội đề ra, đây cũng là mức tăng cao nhất trong thập kỷ qua. Số liệu của Tổng cục Thống kê, trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

Tăng trưởng tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ tạo đà thuận lợi cho các ngành nghề kinh tế nói chung phát triển. Đặc biệt hơn, trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản có mức tăng cao nhất với 5,54% do sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc so với năm 2016, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Điều này cũng đi đôi với định hướng của công ty khi cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dây thừng phục vụ đánh bắt cá và đầu tư mở rộng sang các mảng khác như nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản khi khả năng tiêu thụ sản phẩm của công ty có khả năng tăng mạnh và ổn định nếu xu hướng tăng trưởng của nền kinh tế giữ nguyên và ổn định kể từ 2017 trở đi.

#### Rủi ro về lãi suất

Một yếu tố quan trọng khác ảnh hưởng đến hoạt động của nền kinh tế và hoạt động của doanh nghiệp đó là lãi suất. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2017 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 6,5% (ngắn hạn), 8-10,5% (dài hạn). Trong năm 2017, NHNN tiếp tục hỗ trợ lãi suất thấp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, mục tiêu tăng trưởng kinh tế hợp lý. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Công ty luôn nỗ lực để duy trì mức nợ vay và chi phí tài chính hợp lý để hạn chế các tác động tiêu cực do biến động lãi suất và đảm bảo mục tiêu lợi nhuận kinh doanh của Công ty trong năm 2018 và các năm sắp tới.

### Rủi ro về lạm phát

Theo công bố của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân tháng 12/2017 chỉ tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%.

Lạm phát cơ bản tháng 12 chỉ tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân 2016.

Nhìn chung, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Hoạt động của các doanh nghiệp luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào cũng như nhu cầu cho sản phẩm đầu ra của Công ty.

### Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp. Thực tế cho thấy, phần lớn nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp ở Việt Nam là nguồn vốn FDI. Ngoài ra, các khu dân cư và dịch vụ phát triển mạnh trong thời gian qua cũng có một phần đóng góp không nhỏ từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Theo FIA (Cục đầu tư nước ngoài), tính đến ngày 20/12/2017, Các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 186,1 tỷ USD, chiếm 58,4% tổng vốn đầu tư, tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 53,1 tỷ USD (chiếm 16,7% tổng vốn đầu tư), sản xuất, phân phối điện, khí nước với 20,8 tỷ USD (chiếm 6,5% tổng vốn đầu tư).

Đã có 125 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, trong đó đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký 57,66 tỷ USD (chiếm 18,1% tổng vốn đầu tư). Nhật Bản đứng thứ hai với 49,46 tỷ USD (chiếm 15,5% tổng vốn đầu tư), tiếp theo lần lượt là Singapore và Đài Loan, Britishvirgin Island, Hồng Kông.

ĐTNN đã có mặt ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương dẫn đầu trong thu hút FDI với 44 tỷ USD (chiếm 13,8% tổng vốn đầu tư). Như vậy, với vị trí ưu thế tại Thành phố Hồ Chí Minh và là một trong những công ty sử dụng vốn FDI hiệu quả tiêu biểu nhất tại Việt Nam, tình hình đầu tư nước ngoài diễn biến thuận lợi như năm 2017 sẽ là một thuận lợi để công ty tiếp tục phát triển trong những năm tới.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Là một công ty nhập khẩu nguyên liệu trực tiếp từ nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ (USD) trong khi sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường nội địa và được thanh toán bằng tiền Đồng (VND), tỷ giá là một yếu tố cực kỳ trọng yếu và mỗi thay đổi dù là nhỏ nhất của tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Sau phiên cuối năm 2017, giá USD giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm khá mạnh, xuống còn 22.703 VND, sau 4 phiên đầu tuần này duy trì ở mức 22.710 VND. Theo đó, lần đầu tiên kể từ ngày 12/10/2017 (ngày mà lần đầu tiên Ngân hàng Nhà nước giảm giá mua vào USD), tỷ giá USD/VND đã xuyên thủng cả chốt chặn 22.710 VND - mốc tham khảo mua vào tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Diễn biến trên rơi vào ngày giao dịch cuối cùng của năm 2017, cũng như sau loạt mua ròng ngoại tệ với khối lượng lớn chưa từng có trong lịch sử mà Ngân hàng Nhà nước vừa thực hiện.

Không nằm ngoài xu hướng trên, tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do cũng liên tục điều chỉnh mạnh trong tuần cuối năm 2017, lên tới 65 VND và xuống giao dịch quanh mức 22.690 - 22.710 VND, thấp hơn đáng kể so với mức giá niêm yết của các ngân hàng thương mại.

Tính chung, số liệu cập nhật gần cuối năm 2017 của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2017 tăng 0,02% so với tháng trước và giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2016; bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016. Như vậy, mức tăng trong năm dù có nhiều biến động nhưng nhìn chung chưa tác động lớn đến kết quả kinh doanh của công ty, do nắm bắt rõ tình hình hoạt động của mình nên Ban lãnh đạo cũng thường xuyên theo dõi và có chỉ đạo mua nguyên liệu với các mức giá phù hợp, đảm bảo lợi nhuận cho công ty.

### 5.2 Rủi ro về pháp luật

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài ra còn đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, do đó các hoạt động của Công ty chịu chi phối bởi các luật Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Luật Lao động và luật liên quan trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay đang thay đổi nhanh chóng và hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế. Việc chưa thống nhất giữa các văn bản luật và thiếu sự hướng dẫn rõ ràng là những khó khăn lớn nhất trong việc vận dụng pháp luật vào hoạt động của Công ty, đồng thời, mọi thay đổi của luật pháp liên quan sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

Để hạn chế bớt rủi ro pháp luật, Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam luôn nỗ lực nghiên cứu luật pháp, xây dựng bộ phận Pháp chế có năng lực để theo dõi thay đổi những quy định và quy trình nội bộ, đảm bảo việc bám sát theo chính sách mới của Nhà nước, đồng thời thuê các tổ chức, cá nhân có năng lực để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

### 5.3 Rủi ro đặc thù ngành nghề

#### Rủi ro về nguyên liệu

Cũng như mọi công ty sản xuất khác, nguyên liệu là yếu tố chiếm tỉ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm của Công ty nên những biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng quan trọng đến kết quả kinh doanh. Nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất là hạt nhựa PP và hạt nhựa PE. Hạt nhựa PP được mua từ trong nước và hạt nhựa PE được nhập khẩu. Rủi ro do những thay đổi trong nguồn cung cấp nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty, cụ thể là ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm,...

Một yếu tố quan trọng khác liên quan đến nguyên liệu đầu vào là giá cả. Khi giá cả nguyên liệu đầu vào tăng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm và ngược lại. Giá thành sản phẩm tăng sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động bán hàng, đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo tình hình cập nhật đến cuối năm 2017, giá dầu đang ở mức cao nhất trong vòng 3 năm qua kể từ năm 2015 do OPEC và Nga đang tiến hành cắt giảm sản lượng, lệnh cấm nhập khẩu nhựa tái sinh của Trung Quốc bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 làm cho nhu cầu tiêu thụ tăng thêm 3 triệu tấn/năm, tồn kho hạt nhựa tại Trung Quốc và nhiều nước trên thế giới đang ở mức thấp trong nhiều năm qua, giá C2, C3 là nguyên liệu sản xuất PP, PE đang tăng mạnh theo giá dầu, tồn kho thị trường VN đang giảm mạnh, giá các mặt hàng PP, PE tại Việt Nam đang ở mức thấp so với các nước trong khu vực, các nhà cung cấp nội địa đã có tình trạng xuất khẩu nhiều đơn hàng sang nước ngoài với giá cao hơn giá nội địa. Trong đợt tăng giá vào cuối năm 2017, các Văn phòng đại diện đa số đều bán hết nguồn hàng giá rẻ dẫn đến sự khan hiếm cục bộ trong thời gian sắp tới. Ngoài ra, giá PP, PE tại Việt Nam, Trung Quốc và nhiều nước trên thế giới đang ở mức cao nhất trong vòng 3 năm qua.

Như vậy, tình hình chung cho thấy rủi ro về giá nguyên liệu là khó tránh khỏi khi tình hình chung của thế giới không có dấu hiệu thay đổi theo hướng khả quan hơn trong năm 2018. Tuy nhiên để hạn chế bớt rủi ro về nguồn nguyên liệu, Công ty đã tìm kiếm và thiết lập quan hệ kinh doanh với các nhà cung cấp có uy tín, hoạt động kinh doanh ổn định. Công ty đánh giá những rủi ro về nhà cung cấp là không đáng kể. Về giá nguyên liệu, do giá cả hạt nhựa không có xu hướng bám sát theo diễn biến của giá dầu thô nên công ty sẽ không chủ động dự trữ theo dự báo diễn biến giá dầu. Thay vào đó Công ty sẽ mua vật tư theo dự báo nhu cầu sản xuất trong tương lai. Khi giá nguyên vật liệu có biến động lớn Công ty sẽ xem xét nghiên cứu lại chính sách giá cho phù hợp.

#### **Rủi ro cạnh tranh**

Hiện nay dù Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường với tổng thị phần lớn nhất đối với các loại dây thừng (36% tổng thị phần, theo báo cáo năm 2017 của công ty Intage). Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức cạnh tranh từ các đối thủ trong nước và nước ngoài như Lưới Thành Lợi hay Lưới Sài Gòn (trong nước), Ching Fa (Đài Loan), Penro (Mã Lai), King Chou (Đài Loan), Siam Brothers Thái Lan... Trong đó, các Công ty nước ngoài là đối thủ chính do bản thân các công ty này cũng được thừa hưởng công nghệ hiện đại, kinh nghiệm lâu năm và nguồn lực lớn như Siam Brothers Việt Nam. Ngoài ra còn có sự xuất hiện của cả những đối thủ vốn từng là khách hàng và đối tác của công ty, dù nhỏ nhưng công ty vẫn luôn có sự chú trọng nhất định để đảm bảo phòng ngừa mọi rủi ro về mặt cạnh tranh.

Công ty có 2 mảng dây chính, là Dây Thừng và Dây Bện, trong đó mảng dây thừng là thế mạnh của Công ty: Công ty hiện nay với 2 nhãn hiệu Con Gà và Hải Mã chiếm tới 84% toàn thị trường, các sản phẩm khác chỉ chiếm chưa đầy 16% còn lại. Giành được một phần đáng kể thị trường như vậy là do Công ty đã chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm từ khâu đầu vào đến khâu đầu ra. Các sản phẩm dây thừng của Công ty rất đa dạng về chủng loại và mẫu mã, và đều được chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO nên dành được sự ủng hộ và tin tưởng của ngư dân.

Tuy không chiếm thị phần đáng kể như mảng Dây Thừng, mảng Dây Bện cũng chiếm tỉ lệ cao nhất trên thị trường với 37% thị phần cả nước. Ngoài ra Công ty cũng vấp phải cạnh tranh từ các mặt hàng được nhập về từ Trung Quốc với hơn 15% thị phần. Tuy vậy với chất lượng ổn định, cùng với chế độ bảo hành lên đến 3 năm nên sản phẩm của Công ty đắt hơn các đối thủ khác vẫn giúp Công ty chiếm ưu thế trên thị trường. Với tầm nhìn chiến lược cho những năm tiếp theo, Công ty đã và đang mở rộng năng lực sản xuất nhằm tiếp tục hạ giá thành sản phẩm và có thể cạnh tranh tốt hơn với đối thủ cả trong và ngoài nước

#### **5.4 Rủi ro môi trường**

Các rủi ro đặc thù khác liên quan đến hoạt động của Công ty gồm có:

- Rủi ro ngư trường đánh bắt: Các liên quan đến tranh chấp của các nước trong vùng Biển Đông; các quy định khắt khe của luật pháp mới khi ngư dân được yêu cầu lắp đặt GPS trên tàu và vị trí đánh bắt được Chính phủ theo dõi chặt chẽ, từ đó phạm vi đánh bắt bị thu hẹp và sản lượng chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.
- Rủi ro môi trường: Các quy định liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản và bảo vệ môi trường đáy biển;
- Rủi ro thiên nhiên: hiện tượng nóng lên của Trái Đất kéo theo biến đổi nghiêm trọng của khí hậu, dẫn đến những thay đổi bất thường của các hiện tượng thiên nhiên như mưa, bão, nắng hạn, v.v... và ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đi đánh bắt của ngư dân.
- Rủi ro về công nghệ đánh bắt: với chủ trương bảo vệ môi trường và quy định chặt chẽ về diện tích ngư trường, công nghệ và hình thức đánh bắt cũng được quy định chặt chẽ, bắt buộc người ngư dân phải thay đổi những thói quen đánh bắt của mình đã được hình thành từ nhiều năm qua.
- Các thay đổi liên quan đến các yếu tố nêu trên sẽ ảnh hưởng đến quá trình đầu tư, mua sắm ngư cụ của ngư dân và do đó sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

#### **5.5 Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn... Tuy ít xảy ra nhưng để khó dự đoán và thường gây thiệt hại lớn cho Công ty khi phát sinh. Nhằm quản lý hậu quả của những rủi ro này đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, công ty cũng chủ động hỗ trợ mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty, đồng thời có chính sách quản lý rủi ro phù hợp.

## PHẦN II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Bối cảnh kinh doanh

Năm 2017, Công ty đã đạt được mức tăng trưởng doanh thu thuần khá khiêm tốn là 4% so với mục tiêu ban đầu đặt ra là 18%.

Trong khoảng thời gian hai tháng ngắn ngủi từ tháng 11 đến tháng 12, hai cơn bão Damrey và Tembin đã tàn phá các khu vực nông nghiệp, thủy sản và đánh bắt của Việt Nam. Tổng cộng có 89 người thiệt mạng, 1.140 tàu đánh cá bị chìm hoặc bị hư hại và 24.000 lồng nuôi tôm hùm, cá mú và cá bớp đã bị mất trong trận bão Damrey. Hơn 1.000 ha diện tích nuôi tôm thâm canh và 570 ha nuôi nhuyễn thể cũng bị hư hại. Tổng thiệt hại của ngành thủy sản tại tỉnh Khánh Hòa ước tính khoảng 3,7 nghìn tỷ đồng (162,9 triệu đô la Mỹ) - mức thiệt hại lớn nhất của ngành. Bão Damrey cũng làm ngập hàng ngàn héc-ta đất và phá hủy sinh kế của nông dân nuôi tôm hùm ở khu vực Nam Trung bộ.

Chính phủ Việt Nam đã ra lệnh cho các giàn khoan dầu và tàu thuyền phải được bảo vệ và cảnh báo rằng khoảng 62.000 tàu cá không nên vươn khơi ra biển. Theo xu hướng bán hàng của SBVN, Quý 4 cũng là mùa bán hàng cao điểm nhất. Với tác động tiêu cực đối với ngành thủy sản, đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu của công ty trong năm nay.

Bình quân giá nguyên liệu chính của công ty là PE và PP tăng lần lượt là 4% và 9% trong năm 2017. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt là 22,3% và 7,9%. Một lý do dẫn đến chi phí bán hàng tăng là do công ty đầu tư vào hệ thống cửa hàng bán lẻ và tăng chiết khấu cho cửa hàng.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt là 22,3% và 7,9%. Một lý do dẫn đến chi phí bán hàng tăng là do cạnh tranh gay gắt hơn trong phân khúc mà công ty đang hoạt động, cộng với sự cạnh tranh của mặt hàng nhập khẩu từ Thái Lan.

Trong chiến lược của Công ty để đa dạng hóa và tìm kiếm sự tăng trưởng trong các lĩnh vực khác, SBVN cũng đang mở rộng kinh doanh vào ngành nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ngoài ngư nghiệp, do đó chúng tôi đã tuyển dụng thêm một số nhân viên bán hàng và tiếp thị để hỗ trợ tiến hành công việc chuẩn bị cần thiết trong hai lĩnh vực này.

Mặc dù đã có chậm trễ trong việc đưa nhà máy mới số 4 đi vào hoạt động hoàn toàn trong năm 2017, Công ty vẫn phải tuyển dụng lao động trước vài tháng và đào tạo cho họ trước khi có hoạt động thực tế của nhà máy mới.

Nhà máy số 4 dự kiến sẽ bổ sung thêm 40% (4.000 tấn) vào công suất 10.000 tấn hiện tại của ba nhà máy hiện có. Do đó, chi phí nhân công trực tiếp tăng 8% so với năm 2016, một phần là do tăng lương tối thiểu cho người lao động theo quy định của Chính phủ.

Công ty tin tưởng vào việc đào tạo công nhân có tay nghề và luôn theo đuổi sự xuất sắc trong hoạt động; giảm lãng phí trong mọi hoạt động sản xuất. Trong năm 2017, năng suất lao động của mỗi người lao động đã được tăng 10% so với năm 2016.

Để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm được đáp ứng ngay trong mỗi bước của quy trình sản xuất trước khi đến tay khách hàng, Công ty cũng đã triển khai hệ thống TQM (Total Quality Management) và TPM (Total Productive Maintenance).

Từ năm 2017, 80% các máy móc trọng yếu được theo dõi thường xuyên để đảm bảo rằng những máy này được sử dụng tối ưu.

Để hỗ trợ sự phát triển và định hướng chiến lược của công ty, việc phát triển và sắp xếp nguồn nhân lực để hỗ trợ các quy trình nội bộ mang tính chiến lược đã trở thành trọng tâm trong việc quản lý vào năm 2017.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	2016	2017	2017 so với 2016
1	Doanh thu	503.67	524.82	4.2%
2	Giá vốn hàng bán	292.39	303.89	3.9%
3	Lợi nhuận gộp	211.28	220.94	4.6%
4	Chi phí bán hàng	32.68	39.95	22.3%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.40	51.13	7.9%
6	Lợi nhuận hoạt động	131.20	129.85	-1.0%
7	Thu nhập từ hoạt động tài chính	3.54	2.52	-28.7%
8	Chi phí tài chính	12.32	5.72	-53.6%
9	Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	(8.78)	(3.20)	-63.6%
10	Lợi nhuận trước thuế	124.01	128.43	3.6%
11	Thuế TNDN (15%)	16.77	16.51	-1.5%
12	Lợi nhuận ròng sau thuế	107.25	111.92	4.4%



## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 2.1. Hội đồng quản trị



#### Ông VEERAPONG SAWATYANON

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

##### Quá trình công tác:

1995 – nay: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Siam Brothers VN.  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.  
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu Tư Thông Minh.

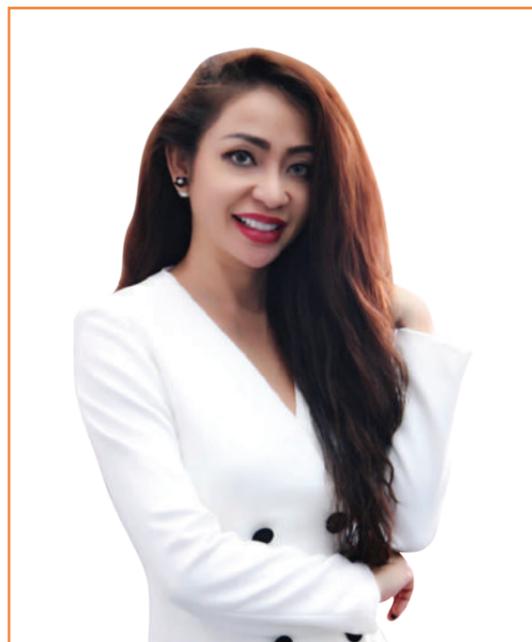


#### Ông ITTHAPAT SAWATYANON

Thành viên Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

##### Quá trình công tác:

1995 – 06/2015: Thành viên HĐQT  
06/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công Ty CP Siam Brothers VN.  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.



#### Bà NGÔ TỬ ĐÔNG KHANH

Thành viên Hội đồng quản trị

##### Quá trình công tác:

- 1995-nay: Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông Công ty CP Siam Brothers VN  
- 03/2016 – nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam  
- 08/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD  
- 02/2018-nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN  
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông.  
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD; Giám đốc Công ty TNHH ITMS Việt Nam; Giám đốc Công ty TNHH TM DV Quảng cáo và Du lịch Đông Dương



#### Ông HÙYNH TIẾN VIỆT

Thành viên Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

##### Quá trình công tác:

1994 – 1996: Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp Công ty Đức Thành, Q. Gò Vấp, TP HCM.  
1996 – 2014: Giám đốc kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Việt Nam  
2014 – nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Đầu tư Thông Minh  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.



### Ông LÊ PHỤNG HÀO

Thành viên Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh

- 1991 – 2003: Thành viên Hội đồng thành viên, Phó TGD Công ty SXHTD Bình Tiên (BITIS)
- 2003 – 2010: Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Kinh Đô (KDC)
- 2009 – 2014: Thành viên HĐQT độc lập và cố vấn Chủ tịch HĐQT tập đoàn Hoa Sen
- 2010 – nay: Chủ tịch hội Marketing Việt Nam (VMA)
- 2014 – nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.



### Ông NGUYỄN TRƯỜNG HẢI

Thành viên Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh

- Quá trình công tác:
- 1998:2001: Quản lý Sản xuất – Công ty Nec/Tokin Việt Nam
  - 2001-2008: Quản lý Nhà máy (Nhà máy Ba Vì) – Công ty Nestle Việt Nam
  - 2008-2010: Quản lý Sản xuất – Công ty Intel Products Việt Nam
  - 2010-nay: Phó Chủ tịch – Chuỗi cung ứng & Sản xuất – Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường và Giám đốc điều hành – Công ty Cổ phần Hiệp Phú
  - 2014 - nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers VN.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.



### Ông HUỖNH VĂN TỶ

Thành viên Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn:

- Quá trình công tác:
- 1986 – 1998: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Phát
  - 1999 – nay: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.



### Ông LÊ TRẦN ANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

- Quá trình công tác:
- 1996 – 2000: Trợ lý Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
  - 2001 – 2013: Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
  - 2009 – nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Siam Brothers Việt nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.



**Bà LÊ THỊ NGỌC**

Thành viên Hội đồng quản trị  
Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

1977-nay: Chủ doanh nghiệp Ngư lưới cụ Ngọc Tỷ  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.



**Ông NGUYỄN ĐỨC HUY**

Giám đốc sản xuất  
Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

2015 – nay: Giám đốc sản xuất tại Công ty CP Siam Brothers VN.  
2001-2013: Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Maruel VietNam.  
1997-1999: Kỹ sư tại Công ty TNHH Phân bón miền Nam.

**2.2. Ban giám đốc**



**Ông FAN WENG KEE**

Tổng Giám đốc  
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

2015 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.  
2011-2015: Giám đốc Công ty Thai Union Frozen Group PCL (TUF).  
2010-2011: Giám Đốc Công ty Hong Huat.  
2006-2008: Phó Chủ tịch, Asian Sales & Marketing-Philipps Seafood, Hoa Kỳ  
2000-2006: Phó Chủ tịch, Pataya Foods Industries, Thái Lan  
1997-1999: Giám đốc thị trường quốc gia & Trưởng đại diện, Kodak Việt Nam



**Ông TRẦN THANH LONG**

Phó Giám đốc thương mại  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

- 2016 – nay: Phó Giám đốc thương mại Công ty CP Siam Brothers Vietnam  
- 2012-2016: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Vietnam  
- 2010-2012: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty xi măng Công thành.  
- 2007-2010: Giám đốc kinh doanh công ty TNHH Gạch men Vicera.  
- 2005 -2007: Trưởng VPDD Gold Success Industries tại Vietnam.  
- 2002-2005: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia.



**Bà ĐẶNG THỊ MỸ KIM**

Kế toán trưởng  
Trình độ chuyên môn: Kế Toán Trưởng/ Kiểm Toán

2000 – 2003: Kế toán viên tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách.  
2003 – 2008: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách.  
2008 – nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Nhất Phát  
05/2016 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Siam Brothers Việt Nam

**2.3 Ban kiểm soát**

**Bà HỒ THỊ MAI PHƯƠNG**

Trưởng Ban kiểm soát  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Phân tích tài chính/Cử nhân Luật kinh doanh

2011-2017: Tong Yang Asset Management Corp.  
04/2017 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Siam Brothers Vietnam

**Bà LÊ LỆ LINH**

Thành viên Ban kiểm soát  
Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản lý Kinh tế

06/2005 – 08/2011: Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Nhựa APPC  
09/2011 – 09/2012: Nhân viên Kiểm soát nội bộ Công ty CP Siam Brothers Việt Nam  
10/2012 – 06/2016: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thông Minh  
06/2016 – 02/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị y tế Pha My  
03/2017 – nay: Phó phòng Kế toán Công ty CP Đầu tư & Phát triển nhà đất Cotec  
04/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Siam Brothers Vietnam

**Bà MAI THỊ NHƯ Ý**

Thành viên Ban kiểm soát  
Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:  
2007 – 2012: NV Kế toán cho Văn phòng Luật sư A.R.I.K.A  
2012 – nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Mực In Việt Tín  
05/2016 – nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Siam Brothers Việt Nam

**2.4 TÌNH HÌNH NHÂN SỰ CÔNG TY**

Năm 2017, Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự của Công ty, bổ nhiệm các nhân viên có năng lực vào các vị trí quản lý cấp trung, tuyển dụng nhân viên và công nhân đáp ứng nhu cầu hoạt động của văn phòng Công ty và 4 nhà máy. Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến cuối năm 2017 là 638 người.

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>638</b>	<b>100%</b>
	Trên Đại học	2	0.31%
1	Trình độ Đại học	127	19.91%
2	Trình độ Cao đẳng,	62	9.72%
3	Trung cấp chuyên nghiệp	72	11.29%
4	Lao động phổ thông	375	58.78%
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>638</b>	<b>100%</b>
1	Toàn thời gian	638	100%
2	Bán thời gian	0	0,00%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>638</b>	<b>100%</b>
1	Nam	470	73.67%
2	Nữ	168	26.33%

Công ty cũng đã thực hiện các chính sách phúc lợi, đãi ngộ theo hướng ưu đãi cho người lao động hơn so với Luật Lao Động, cụ thể như sau:

- Thưởng CB-CNV các dịp lễ
- Chăm sóc sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB-CNV và chăm sóc sức khỏe phụ nữ
- Mua BH sức khỏe cho toàn thể CB-CNV
- Cung cấp điện thoại, máy tính và xe đưa rước cho các cấp quản lý
- Cung cấp đồng phục cho toàn thể CB-CNV và đồ bảo hộ lao động phù hợp cho các vị trí làm việc tại các bộ phận sản xuất
- Đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn
- Thưởng chuyên cần tổ đội cho công nhân viên hàng tháng
- Lì xì đầu năm
- Học bổng cho con em CB-CNV hàng quý
- Du lịch định kỳ hàng năm
- Phúng điếu và thăm hỏi người thân của CB-CNV
- Hoạt động thể dục thể thao: yoga, bowling, khiêu vũ, bóng đá
- Quà tặng em bé mới sinh
- Quà tặng cho CB-CNV và con CB-CNV cuối năm, Trung thu
- Tổ chức liên hoan vào dịp lễ 8/3, 20/10, tất niên hàng năm

### 3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

#### Đầu tư vào Nhà máy mới với công suất thiết kế 4.000 tấn

Với tỷ lệ tối ưu hóa công suất sử dụng hiện tại là trên 75%, công ty đã đầu tư thêm nhiều máy móc hiện đại với nguồn vốn từ IPO và vốn vay để hoàn thiện nhà máy mới với công suất thiết kế là 4.000 tấn, bao gồm tổng cộng 9 dây chuyền sản xuất mới.

#### Đầu tư vào hệ thống ERP

Với mục đích là hiện đại hóa hệ thống nhằm quản lý toàn bộ hoạt động của công ty, nâng cao hiệu quả sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng, cập nhật quy trình kinh doanh, hoạt động kinh doanh; và đáp ứng các yêu cầu của HĐQT.

Công ty đang đầu tư một hệ thống ERP trên nền tảng đám mây, sử dụng công nghệ tiên tiến có lợi thế là đạt được hai điều: (i) đầu tư tối thiểu về yêu cầu phần cứng như máy chủ; (ii) giải quyết đáng kể nhu cầu đầu tư vào đội ngũ nhân IT như các kỹ sư mạng. Với một hệ thống ERP trên nền tảng đám mây, công ty chỉ cần đầu tư đội ngũ nhân viên để duy trì và hỗ trợ hệ thống ERP mới.



### 4. Các thành tựu trong năm

- Doanh nghiệp FDI tiêu biểu
- Thương hiệu mạnh ASEAN
- Đạt các chứng chỉ ISO, Smecta



Thương hiệu Việt Nam tin dùng



Năng lực cơ sở chế tạo & quy trình chế tạo



ISO 9001: 2015

ISO 9001: 2008



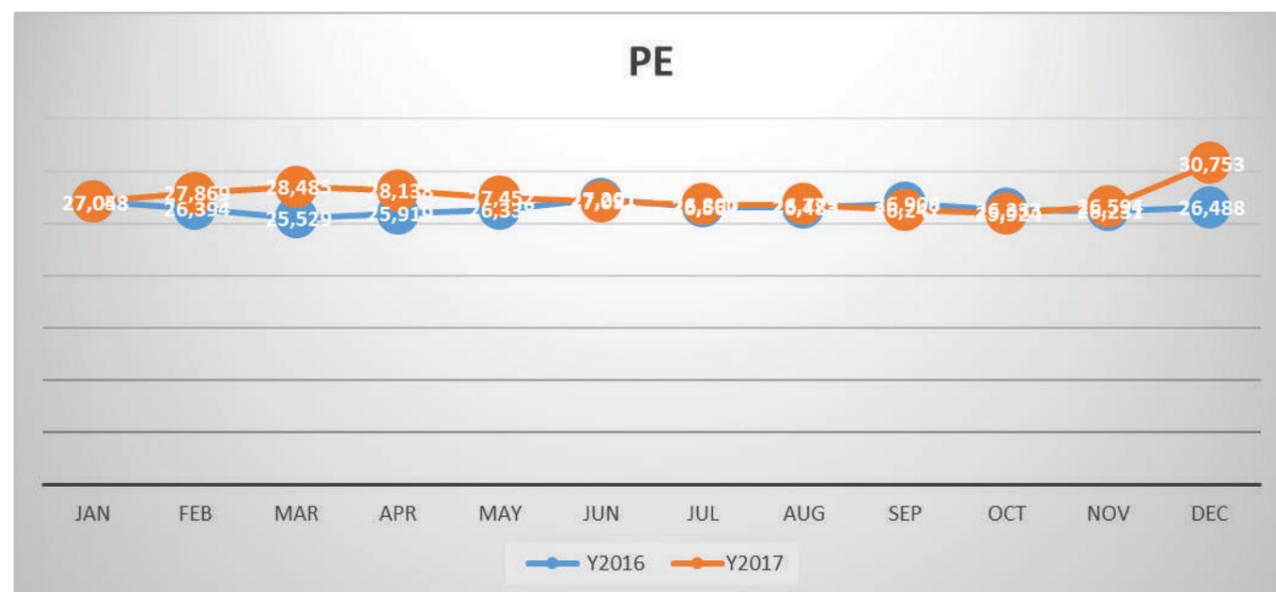
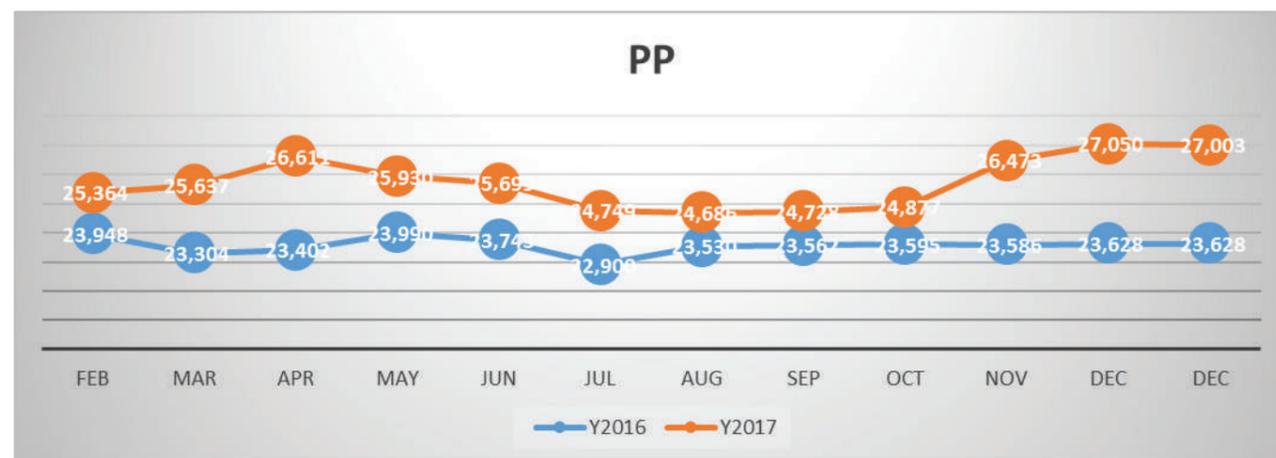
**PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

**I. Báo cáo Ban tổng giám đốc**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**1.1 Môi trường kinh doanh năm 2017**

Tình hình thị trường hạt nhựa năm 2017



Tỷ trọng nguyên vật liệu là hạt nhựa trong giá thành sản xuất chiếm tỷ trọng khá cao, chính vì vậy, sự biến động của yếu tố đầu vào này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Ngành công nghiệp hóa dầu trong nước chưa phát triển dẫn đến nguồn cung ứng nguyên liệu còn thiếu nên đa số các doanh nghiệp nhựa phải nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó, PE, PP vẫn là các mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất và giá trị tăng dần qua các năm. Việc không chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào làm giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa, doanh nghiệp xuất khẩu khó tận dụng được ưu đãi thuế do quy định liên quan đến xuất xứ hàng hóa. Sau đà giảm năm 2016, giá hạt nhựa bắt đầu xu hướng phục hồi tăng trong năm 2017, đặc biệt là hạt nhựa PP. Công ty đã chủ động trữ hạt nhựa trong những giai đoạn giá thấp, đồng thời siết chặt việc sản xuất, tỷ lệ phế phẩm giảm, do đó tổng chi phí nguyên vật liệu trong tổng chi phí sản xuất năm 2017 giảm so với năm 2016, dù sản lượng sản xuất cao hơn

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	116.529.282.709	144.995.917.319
Chi phí nhân viên	75.944.709.874	58.737.647.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.425.697.515	23.409.150.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.253.399.486	28.352.295.396
Khác	63.295.315.257	56.610.825.909
	<b>306.448.404.841</b>	<b>312.105.837.100</b>

**1.2 Tình hình thực hiện kế hoạch 2017 và kết quả SXKD trong năm 2017**

CHỈ TIÊU	DVT	2013	2014	2015	2016	2017
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	Tỷ đồng					
Doanh thu		367	374	462	503	525
Doanh thu thuần		367	373	461	503	524
Lợi nhuận gộp		105	106	156	211	221
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45	52	87	122	129
Lợi nhuận trước thuế		45	53	85	124	129
Lợi nhuận sau thuế		39	43	82	107	113
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	Tỷ đồng					
Tài sản ngắn hạn		211	207	285	469	401
Tài sản dài hạn		160	177	164	148	211
Tổng tài sản		372	385	450	617	612
Nợ phải trả		190	176	229	194	152
Vốn điều lệ		122.7	163.4	163.4	205.4	273.6
Vốn chủ sở hữu		182	208	221	423	458
<b>SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH CUỐI KỲ</b>	Cổ phiếu	12.270.000	16.340.000	16.340.000	16.340.000	27.366.476
<b>LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	VND	3209	2847	5047	5754	5199

Chỉ tiêu tài chính	DVT	2016	2017	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	617	612	-0.8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	503	524	4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	122	129	5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	107	113	6%

Chỉ tiêu	DVT	2016	2017	%tăng/giảm
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.5	2.6	4%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.1	1.04	-0.06%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0.3	0.2	-33%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0.4	0.3	-25%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6.16	6.29	2%
Vòng quay khoản phải thu	Lần	2.8	2.9	3%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.81	0.85	4%
<b>4. Chỉ số về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	21.2%	21.5%	1%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	25.2%	24.6%	-2%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	17.3%	18.4%	6%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	24.2%	24.6%	1.6%

Hệ số thanh toán ngắn hạn: Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty qua nhiều năm được kiểm soát rất chặt chẽ và đều duy trì ở mức tốt, trên 1 lần. Năm 2017 chỉ số này tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt mức 2.6 lần, vượt xa mức an toàn quy định theo thông lệ Quốc Tế yêu cầu. Để đạt được mục tiêu này, Công ty đã thực hiện quản lý vốn lưu động hiệu quả, thông qua việc kiểm soát tốt công nợ và quản lý khoản phải thu, phải trả chặt chẽ. Nguồn vốn từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng được Công ty sử dụng hiệu quả giảm bớt gánh nặng tài chính

Hệ số thanh toán nhanh: Hệ số thanh toán nhanh năm 2017 tiếp tục được duy trì ở mức độ an toàn, các quy trình quản lý mua hàng, quản lý hàng tồn kho luôn được chú trọng kiểm soát đảm bảo hệ số thanh toán nhanh luôn được duy trì trên 1.0

Hệ số Nợ/Tổng tài sản & hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: Các chỉ số tài chính liên quan đến việc sử dụng đòn bẩy tài chính được kiểm soát và duy trì ở mức an toàn năm 2017. Hệ số nợ/Tổng tài sản đạt 0.2 lần và chỉ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 0.3 lần, giảm tương ứng 33% và 25% so với năm 2016. Công ty luôn chú trọng đảm bảo cấu trúc vốn đầu tư an toàn, trả nợ đúng hạn, giữ uy tín tốt với các tổ chức tín dụng, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu phát triển của Công ty.

Vòng quay hàng tồn kho: So với năm 2016, vòng quay hàng tồn kho của Công ty có tăng, nhưng tỷ trọng không đáng kể. Chính sách bán hàng của Công ty luôn đảm bảo đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, vì vậy trong kho luôn duy trì một lượng hàng nhất định.

Vòng quay khoản phải thu: Với chiến lược phát triển kênh bán hàng, buộc lòng Công ty phải áp dụng chính sách nới lỏng tín dụng bán hàng nên vòng quay khoản phải thu năm 2017 tăng so với năm 2016. Chất lượng các khoản phải thu của hệ thống của hàng được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp như nhà cửa, đất đai,... theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng, nên giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro không thu hồi được nợ.

Doanh thu thuần/Tổng tài sản: Doanh thu Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng đã có từ những năm trước, đạt 525 tỷ đồng năm 2017, tăng 4% so với năm 2016. Bên cạnh thị trường truyền thống là cung cấp dây thừng cho tàu thuyền đánh cá, Công ty cũng đang triển khai giới thiệu và chào bán sản phẩm cho các thị trường mới như nuôi trồng thủy sản, các dự án nông nghiệp, an toàn xây dựng... góp phần làm tăng chỉ số doanh thu thuần/tổng tài sản tăng so với 2016

Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần & hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: Năm 2017, các chỉ tiêu sinh lời như Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần & Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đều tăng so với năm 2016. Mặc dù năm 2017 Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn đến từ việc công suất nhà máy đạt đến mức tối đa, dẫn đến việc không đủ nguồn hàng cung cấp, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng so với năm 2016, để duy trì được tỷ suất sinh lợi như các năm về trước và có tăng trưởng là điều không hề dễ dàng. Các giải pháp cắt giảm chi phí sản xuất, giảm tỷ lệ phế phẩm, nâng cao năng suất sản xuất bình quân đầu người luôn được chú trọng áp dụng, đồng thời, cắt giảm chi phí tiếp khách, hội họp, quà tặng, sử dụng máy bay giá rẻ khi đi công tác, chính sách mua hàng linh hoạt để có được giá tốt nhất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2016	2015
Tổng tài sản	Tỷ đồng	612	617	450
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	401	469	285
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	211	148	164
Nợ phải trả	Tỷ đồng	154	194	229
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	151	187	210
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	2.3	6.8	18

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

Tài sản ngắn hạn năm 2017 của Siam Brothers là 401 tỷ đồng, giảm 68 tỷ so với năm 2016, do lượng tiền mặt thu được trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được đầu tư vào nhà máy số 4. Khoản mục chính là tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 38%, phải thu khách hàng chiếm 37%. Chính sách quản lý công nợ tốt và chính sách bán hàng hiệu quả đã giúp làm giảm khoản phải thu khách hàng so với năm trước, đảm bảo hạn chế thấp nhất các công nợ khó đòi.

### 2.2 Tình hình nguồn vốn

Tài sản dài hạn cuối năm 2017 của Siam Brothers VN là 211 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định chiếm trên 36%, chủ yếu là các máy móc và nhà xưởng đang phục vụ sản xuất, đồng thời, tài sản xây dựng dở dang tăng mạnh liên quan đến nhà máy số 4 vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện.

### 2.3 Nợ phải trả

Tổng Nợ phải trả của Siam Brothers VN tính đến thời điểm 31/12/2017 là 154 tỷ đồng, trong đó nợ vay (ngắn hạn và dài hạn) là 57 tỷ đồng. Nợ vay năm 2017 giảm so với năm 2016 do Công ty sử dụng nguồn vốn hiệu quả giảm các khoản vay tài trợ cho vốn lưu động. Công ty luôn áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro, giám sát chặt chẽ các khoản công nợ, đánh giá và phân tích khả năng thanh toán nợ đảm bảo tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu luôn đạt ngưỡng an toàn

## II. Báo cáo hội đồng quản trị

### 1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2017 Công ty đối mặt với nhiều khó khăn đến từ giá nguyên vật liệu biến động tăng trong năm, cùng với các chính sách trong nước và ngoài nước ảnh hưởng đến ngành ngư nghiệp, nhưng với quyết tâm và nỗ lực của ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty, với mối quan hệ vững chắc được xây dựng hơn 20 năm qua với các đại lý và với sự tin tưởng của ngư dân vào sản phẩm dây thừng, Công ty đã tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định từ năm 2013 đến nay.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Thực hiện	
			2016	2017
Doanh thu	Tỷ đồng	625	503	525
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	149	124	129

Công ty CP Siam Brothers VN luôn trung thành với mục tiêu phát triển lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của ngư dân về ngư cụ phục vụ đánh bắt trên biển. Bên cạnh thị trường truyền thống khai thác thủy sản xa bờ vốn là thế mạnh của Siam Brothers Việt Nam, Công ty đã mạnh dạn giới thiệu sản phẩm sang các lĩnh vực khác, đồng thời nghiên cứu cho ra một số sản phẩm mới theo xu hướng thân thiện với môi trường. Những nỗ lực của Công ty đã được ghi nhận thông qua các đơn hàng được ký kết với Cục cứu hộ cứu nạn quốc gia, Công ty CP Xây lắp đường dây Bắc Trung Nam, các Công ty – trang trại lớn như Huy Long An, Công ty U&I. Năm 2017 cũng là năm đầu tiên Công ty ký kết hợp đồng xuất khẩu trị giá hơn một triệu USD với Công ty lưới Naui, đối tác gắn bó với Công ty trong 5 năm trở lại đây, minh chứng về chất lượng sản phẩm của Công ty đã được thị trường thế giới chấp nhận, khẳng định định hướng phát triển xuất khẩu của Hội Đồng quản Trị đưa ra là hoàn toàn hợp lý.

Đầu năm 2017, Công ty đã quyết định đầu tư xây dựng nhà máy số 4 với 9 dây chuyền sản xuất đầu năm 2017, tổng giá trị đầu tư cho nhà máy ước tính 120 tỷ đồng. Tính đến cuối năm, nhà máy số 4 đã đưa được 2 dây chuyền vào sản xuất, bắt đầu đóng góp vào doanh thu Công ty từ năm 2018. Nhà máy số 4 sẽ tập trung sản xuất một số dây thừng đánh bắt xa bờ còn thiếu, và tập trung sản xuất dây xuất khẩu, khắc phục “lỗ hổng” thiếu hàng hóa trong thời gian vừa qua.

Năm 2017 cũng đánh dấu việc Công ty đã nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm dây dùng trong lĩnh vực nông nghiệp. Dây nông nghiệp của Công ty có ưu điểm vượt trội là được làm từ 100% hạt nhựa PP, lực đứt cao nhưng dây mềm nên không ảnh hưởng đến cây và chất lượng trái. Ngoài dây nông nghiệp cho lĩnh vực nuôi trồng, Công ty cũng cho đời sản phẩm dây cuộn rơm, làm từ 100% PE có thể tái sử dụng nhiều lần, giúp bà con nông dân tiết kiệm chi phí sản xuất.

Tăng cường bảo vệ môi trường thông qua các thiết bị sản xuất mới, hiện đại, và sự lựa chọn kỹ lưỡng nguyên vật liệu cấu thành công thức phối liệu đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Duy trì và củng cố hệ thống phân phối trước sự cạnh tranh của các đơn vị cùng ngành nhằm bảo vệ và mở rộng thị phần bằng các chương trình đồng hành của hàng đại lý, chia sẻ lợi ích, ưu đãi kinh doanh; tăng cường mối quan hệ với khách hàng dựa trên sự linh hoạt trong chiến lược hợp tác và đáp ứng nhu cầu đặc thù của hệ thống này. Qua đó, sản phẩm dây thừng của Công ty ngày càng được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực cứu hộ cứu nạn, xây lắp, nuôi trồng...

Nhân lực và hệ thống quản trị tiếp tục được chú ý, nâng cao đảm bảo phát huy tối đa năng lực hiện hữu và đào tạo lực lượng kế thừa sẵn sàng cho những thay đổi lớn trong tương lai.



### 2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban tổng giám đốc công ty

Ban Giám Đốc Công ty luôn đoàn kết tốt, có chiến lược sát sao trong việc thực hiện các định hướng chiến lược Hội Đồng Quản Trị đã đề ra, cụ thể như sau:

- Công tác đầu tư xây dựng nhà xưởng và phát triển sản phẩm mới được dựa trên nền tảng phân tích thị trường, áp dụng máy móc công nghệ hiện đại nhằm tạo ra sản phẩm với chất lượng tốt nhất mà không ảnh hưởng đến môi trường
- Đặt mục tiêu phát triển với chất lượng sản phẩm làm trung tâm, kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào, tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu và cách phối trộn mới, đảm bảo an toàn cho người sử dụng và môi trường xung quanh
- Định hướng phát triển các sản phẩm dây thừng đánh bắt cá theo hướng bảo tồn tài nguyên, sản phẩm cung cấp chủ yếu cho các tàu đánh bắt xa bờ, hạn chế cung cấp loại sản phẩm cho các tàu đánh bắt gần bờ đánh bắt theo cách tận diệt, thực hiện đúng khẩu hiệu phát triển xanh Công ty đặt ra.
- Chiến lược kinh doanh được áp dụng một cách linh hoạt, đảm bảo giữ được khách hàng cũ và thu hút thêm lượng khách hàng mới
- Mạnh dạn trong việc áp dụng công nghệ thông tin vào phương pháp quản lý, việc triển khai ERP và tem điện tử sẽ giúp hoạt động quản trị của Công ty hiệu quả hơn, giúp tiết kiệm chi phí và mang lại lợi ích cho cổ đông
- Chính sách nhân sự luôn được chú trọng, đảm bảo việc các nhân sự trẻ luôn có cơ hội để phát triển

Tuy nhiên, do các nhà máy đã chạy tối đa công suất từ năm 2016, nên trong năm 2017 để đảm bảo việc có đủ hàng hóa giao cho đại lý, nhân viên Công ty có dấu hiệu làm việc căng thẳng. Ban Tổng Giám đốc cần quan tâm hơn nữa đến điều kiện, môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, sự cân bằng trong cuộc sống, đồng thời tạo điều kiện phát triển cho người lao động và phù hợp với quy định của Nhà nước.

### 3. Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị

Việt Nam đứng trước nguy cơ bị thẻ vàng từ EU do các doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của EU về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định IUU đã đẩy lên mối lo ngại về thị trường dây truyền thống của Công ty. Tuy nhiên, Hội Đồng Quản Trị nhận định đây là thách thức đồng thời cũng là cơ hội cho chính Siam Brothers Việt Nam. Bên cạnh việc

sắp xếp lại sản xuất nhằm đảm bảo cung cấp dây ra thị trường đúng theo yêu cầu cải tổ lại hoạt động đánh bắt của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, từ đó tiến tới xây dựng một doanh nghiệp có trách nhiệm và bền vững, Siam Brothers VN còn đẩy mạnh phát triển cung cấp sản phẩm cho các thị trường mới đã được Công ty thăm dò khai thác trong vài năm gần đây, đồng thời nghiên cứu các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bên cạnh đó, giá nguyên liệu chính từ dầu mỏ vẫn là một ẩn số không thể đoán trước. Theo như dự báo, giá dầu mỏ sẽ tiếp tục tăng trong năm 2018, cùng với đó là sự tăng giá hạt nhựa đầu vào. Ngoài ra, áp lực cũng đè nặng lên Ban Tổng Giám đốc vì cổ đông đã “quen” một Siam Brothers VN có tỷ lệ lợi nhuận gộp luôn nằm trong top đầu các công ty niêm yết, có sự tăng trưởng và hiệu quả cao. Dây thừng Siam Brothers VN lại là cái tên chính bị cạnh tranh trên thị trường, giữ được thị phần và đảm bảo có sự tăng trưởng về thị phần là điều không dễ dàng. Những điều này tạo ra áp lực lớn cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc trong năm 2018.

Tuy nhiên, với lợi thế sẵn có được xây dựng và phát triển trong hơn 20 năm qua, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc đã nỗ lực đặt ra các mục tiêu sau:

- Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng như trong các năm vừa qua
  - Định hướng phát triển doanh nghiệp theo hướng xanh và bền vững theo đúng tiêu chuẩn ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường và Smeta về tiêu chuẩn lao động, sức khỏe, an toàn và đạo đức kinh doanh,
  - Các chính sách đồng hành với cửa hàng, với ngư dân được chú trọng triển khai. Đồng thời các chính sách có lợi cho cổ đông, người lao động cũng luôn được chú ý cải thiện
- Hội đồng Quản trị cam kết sẽ tiếp tục chỉ đạo, giám sát và tạo điều kiện tốt nhất cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành mục tiêu đưa Công ty phát triển ở một tầm cao mới.

### III. Báo cáo ban kiểm soát

#### 1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- Bà Mai Thị Như Ý – Trưởng Ban kiểm soát;
- Bà Hồ Thị Mai Phương - Thành viên Ban kiểm soát;
- Bà Lê Lệ Linh - Thành viên Ban kiểm soát

#### 2 Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp quan trọng như cơ cấu nhân sự Ban Kiểm soát, sơ kết hoạt động 6 tháng của công ty cũng như các cuộc họp khác với các phòng ban của công ty. Ngoài các cuộc họp định kỳ, Ban Kiểm soát cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của các phòng ban trong công ty; kiểm tra tính hợp pháp và hợp lý của các quyết định quan trọng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; kiểm tra lại các báo cáo tài chính kiểm toán của công ty TNHH Pricewaterhouse Cooper Việt Nam; giám sát việc thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2017 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### 3 Kết quả hoạt động Công ty và tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017

- Niêm yết chính thức trên HOSE vào ngày 16/05/2017.
- Trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2016 với tỷ lệ 20%.
- Chọn công ty TNHH Pricewaterhouse Cooper Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho năm tài khóa 2017.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường (4/10/2017) thông qua: bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị, chuyển nhượng toàn bộ quyền điều hành, hoạt động thực hiện dự án nhà máy Siam Plastic số 4 cho CN Công ty CP Siam Brothers VN số 3; cấp đổi GCN đầu tư Công ty CP Siam Brothers sang giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tạm ứng cổ tức; giao dịch với Công ty TNHH TM Nghĩa Thái; trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi; ...
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả 33.3%. Số lượng cổ phiếu thực tế đã phát hành: 6,826,666 cổ phiếu.
- Phát hành thành công ra công chúng với số lượng cổ phiếu phân phối là 4,200,000 cổ phiếu với giá là 33,000VND/ cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành là 138,600,000,00VND và đã sử dụng thực tế số tiền là 135,625,673,463VND cho các dự án: Xây dựng nhà máy mới, mua máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động.

### 4 Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty Siam Brothers Việt Nam đều tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật pháp; thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết khác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc. Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp, trong đó thông qua ban hành 14 nghị quyết, nhằm kịp thời chỉ đạo và thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

### 5 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp thuận lợi và tốt đẹp với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc. Các thông tin giữa hai bên đều được cập nhật kịp thời và nhanh chóng, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát giám sát và kiểm tra các hoạt động một cách hiệu quả nhất.

### 6 Một số kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018

Tiếp tục phát huy sự phối hợp hoạt động hiệu quả giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên thảo luận với Ban Kiểm soát về các vấn đề quan trọng của Công ty nhằm đưa ra các giải pháp tốt nhất và hợp lý theo quy định của pháp luật.

**PHẦN IV – QUẢN TRỊ CÔNG TY****1. Hội đồng quản trị**

Trong năm 2017, Hội Đồng Quản Trị đã bầu bổ sung 3 thành viên mới, ông Huỳnh Văn Tỷ và bà Lê Thị Ngọc tham gia Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Cổ Đông Thường Niên 2017 ngày 18/4/2017, bà Ngô Từ Đông Khanh được bầu vào Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Cổ Đông Bất Thường 2017 ngày 4/10/2017.

Như vậy tính đến ngày 31/12/2017, cơ cấu thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Siam Brothers VN gồm 09 thành viên:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đang sở hữu	Ghi chú
1	VEERAPONG SAWATYANON	Chủ tịch		Không điều hành
2	NGÔ TỪ ĐÔNG KHANH	Phó Chủ tịch		Kiểm trưởng phòng Marketing
3	ITTHAPAT SAWATYANON	Thành viên		Kiểm cố vấn kỹ thuật
4	HUỲNH TIẾN VIỆT	Thành viên		Không điều hành
5	LÊ TRẦN ANH TUẤN	Thành viên		Kiểm trưởng phòng Learning Center
6	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	Thành viên		Không điều hành
7	LÊ PHỤNG HÀO	Thành viên		Không điều hành
8	HUỲNH VĂN TỶ	Thành viên		Không điều hành
9	LÊ THỊ NGỌC	Thành viên		Không điều hành

**2 Các nghị quyết HĐQT trong năm**

Trong năm 2017, HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, luôn bám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty một cách chặt chẽ. Chủ tịch HĐQT trực tiếp nắm tình hình hằng tuần tại Công ty để có sự chỉ đạo kịp thời, sát sao và linh hoạt cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

HĐQT cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra định hướng nhất quán về sự phát triển bền vững của Công ty, đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu hiện tại, vừa đón đầu tương lai, vừa hài hòa lợi ích với các bên liên quan.

Năm 2017, HĐQT đã có các nghị quyết như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	1403/2017/NQ-HDQT/SBV	15/03/2017	Thông qua thời gian tổ chức Đại hội cổ đông
2	1403-01/2017/ NQ-HDQT/SBV	15/03/2017	Thông qua giao dịch với các bên liên quan
3	1606/NQ	16/06/2017	Thay đổi đơn vị kiểm toán 2017
4	1906/NQ	16/06/2017	Chi trả cổ tức năm 2016
5	1407/NQHDQT	14/07/2017	Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với các bên liên quan và bổ sung phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016
6	1407-01/NQ	14/07/2017	Nghị quyết thông qua ủy quyền cho chi nhánh số 3 thực hiện quản lý một số hoạt động nhà máy số 4
7	1608/NQ	16/08/2017	Nghị quyết về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường 2017
8	2708/NQ-01	27/08/2017	Nghị quyết về việc thời gian và địa điểm tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường 2017
9	0510/NQ-HDQT	05/10/2017	Nghị quyết về việc bổ sung ngân sách đầu tư máy móc thiết bị cho nhà máy số 4
10	1210/NQ-HDQT	12/10/2017	Nghị quyết về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
11	3110/NQ-HDQT	31/10/2017	Nghị quyết về việc giao cho Công ty TNHH TMDV Quảng cáo và Du lịch Đông Dương triển khai dự án cung cấp và lắp đặt bảng hiệu và kệ trưng bày sản phẩm của Cửa hàng chuẩn và Show-room của Công ty CP Siam Brothers VN
12	1411/NQ	14/11/2017	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức 2017
13	271117/NQ	27/11/2017	Nghị quyết thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
14	0612/NQ-17	06/12/2017	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức 2017

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập	2.719.044	9.9	3		3
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	2.719.044	9.9	3		3
3	Cổ đông lớn	17.902.909	65.4	1	1	
	- Trong nước	17.902.909	65.4	1	1	
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	60.000	0.2	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	6.684.523	24.5	476	17	459
	- Trong nước	4.649.920	16.9	442	9	433
	- Nước ngoài	2.034.603	7.4	34	8	26
<b>TỔNG CỘNG</b>		27.366.476	100	481	19	462
<b>Trong đó: - Trong nước</b>		22.612.829	82.7	444	11	433
<b>- Nước ngoài</b>		4.753.647	17.3	37	8	29

Cơ cấu sở hữu theo cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/	17.902.909	65.4	1	1	
	- Trong nước	17.902.909	65.4	1	1	
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL	2.188.802	7.9	13	13	
	- Trong nước	805.458	2.9	5	5	
	- Nước ngoài	1.383.344	5.0	8	8	
<b>TỔNG CỘNG</b>		20.091.711	73.3	14	14	

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát  
4.1 THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tổng thu nhập trước thuế	Thuế TNCN	Tổng thu nhập sau thuế	Ghi chú
1	VEERAPONG SAWATYANON	Chủ tịch	1.703.124.119	201.671.236	1.501.452.883	
2	NGÔ TỬ ĐỒNG KHANH	Phó Chủ tịch	636.412.866	59.128.217	577.284.649	
3	ITTHAPAT SAWATYANON	Thành viên	2.185.320.000	382.416.000	1.802.904.000	
4	HUYNH TIẾN VIỆT	Thành viên	68.310.000	6.831.000	61.479.000	
5	LÊ TRẦN ANH TUẤN	Thành viên	820.224.000	70.849.200	749.374.000	
6	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	Thành viên	419.726.667	41.972.667	377.754.000	
7	LÊ PHỤNG HẢO	Thành viên	419.726.667	41.972.667	377.754.000	
8	HUYNH VĂN TỶ	Thành viên	0	0	0	
0	LÊ THỊ NGỌC	Thành viên	0	0	0	

4.2 THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tổng thu nhập trước thuế	Thuế TNCN	Tổng thu nhập sau thuế	Ghi chú
1	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	Trưởng BKS	45.000.000	4.500.000	40.500.000	Đã từ nhiệm
2	PHÓ LỆ QUYÊN	Thành viên	35.000.000	3.500.000	31.500.000	Đã từ nhiệm
3	MAI THỊ NHƯ Ý	Thành viên	20.000.000	2.000.000	18.000.000	
4	LÊ LỆ LINH	Thành viên	0	0	0	
5	HỒ THỊ MAI PHƯƠNG	Thành viên	0	0	0	

4.3 THÙ LAO BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tổng thu nhập trước thuế	Thuế TNCN	Tổng thu nhập sau thuế	Ghi chú
1	FAN WENG KEE	TGD	1.350.838.181	353.963.276	996.874.905	
2	TRẦN THANH LONG	P.TGD	886.736.000	133.720.800	753.015.200	
3	NGUYỄN ĐỨC HUY	P.TGD	712.763.334	98.240.834	614.522.500	

## PHẦN V – BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hơn 20 năm hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, Siam Brothers Việt Nam đã xây dựng thành công chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi của doanh nghiệp xanh đồng hành cùng ngư dân Việt thông qua năm yếu tố sau:

- Thứ nhất: phát triển hệ thống phân phối bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng để kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm.
- Thứ hai: xây dựng thương hiệu mạnh, thân thiện, hướng đến cộng đồng và tạo được nhu cầu niềm tin về thương hiệu,
- Thứ ba: luôn chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến nhất để tạo ra các sản phẩm tốt với chi phí thấp,
- Thứ tư: xây dựng hệ thống quản trị chuyên nghiệp linh hoạt đương đầu với mọi thách thức của thị trường,
- Thứ năm: chú trọng phát triển nguồn nhân lực với môi trường làm việc tiêu chuẩn tạo sự gắn bó, đoàn kết, sáng tạo làm đòn bẩy phát triển doanh nghiệp.

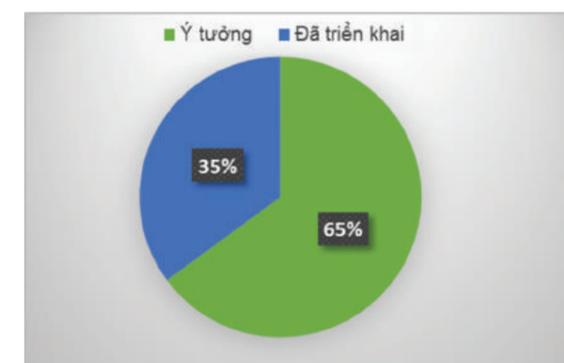
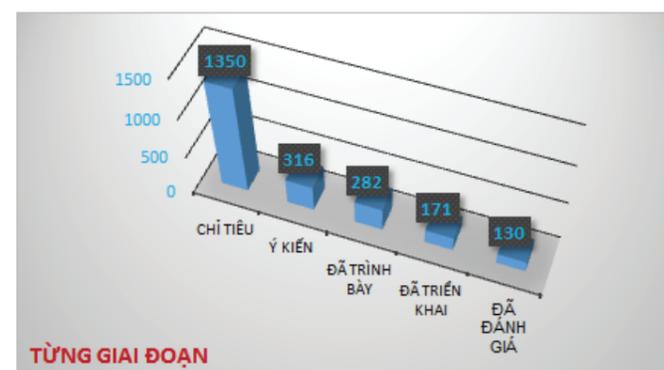
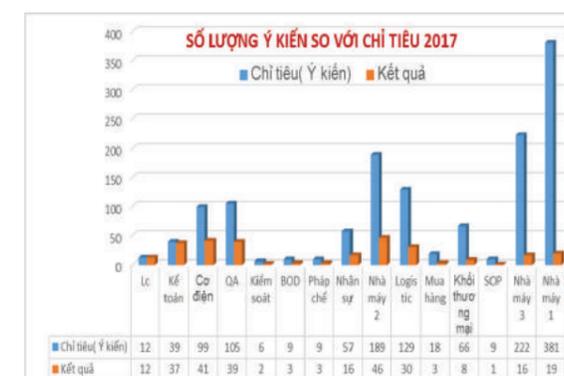
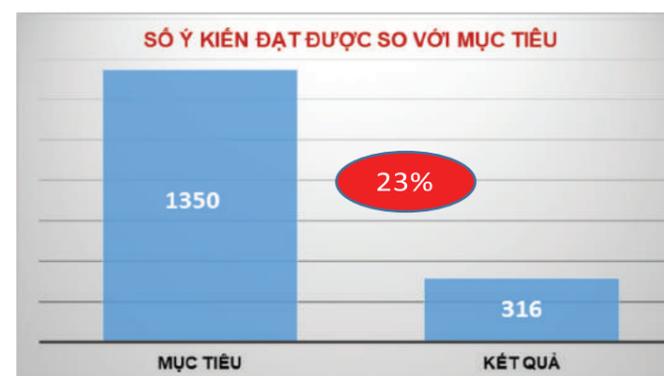
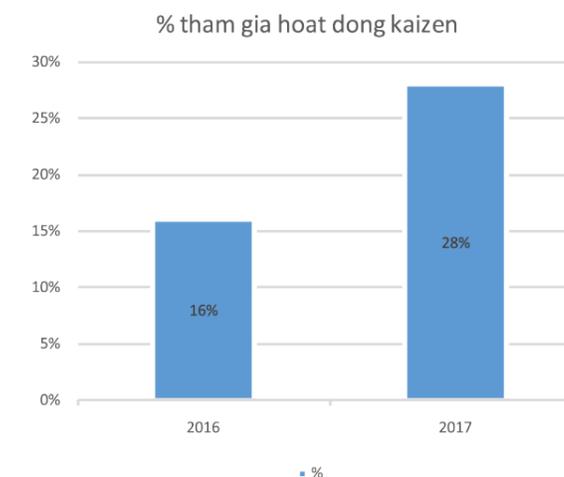
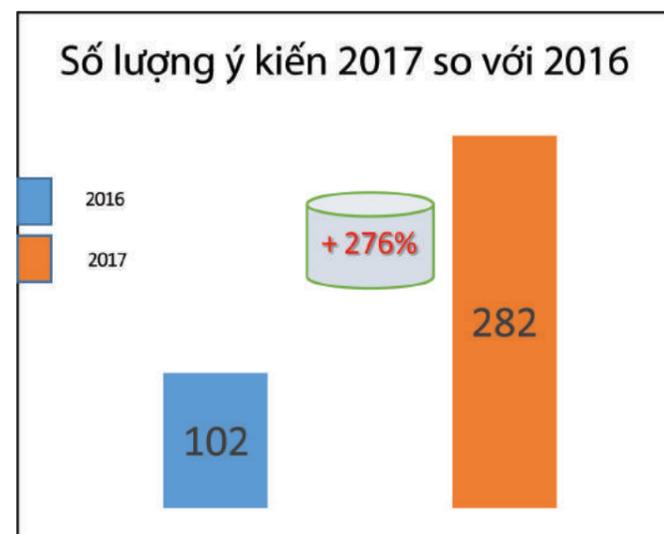
### Nhờ triết lý kinh doanh “Doanh nghiệp xanh đồng hành cùng ngư dân Việt”.

Trong suốt hành trình 20 năm khởi tạo, trưởng thành và vững bước, công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của việc định vị và phát triển thương hiệu theo triết lý kinh doanh “doanh nghiệp xanh đồng hành cùng ngư dân Việt”. Trong nhiều năm liền, công ty không chỉ tập trung tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn chú trọng thực hiện các hoạt động xã hội đa dạng và thiết thực. Thông qua việc tài trợ các hoạt động cộng đồng như tài trợ người dân tái thiết cuộc sống sau các trận bão lũ, tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo hiếu học, tài trợ xây dựng cầu dân sinh,..., thương hiệu Siam Brothers Việt Nam đã tạo được sự tin yêu của người tiêu dùng.

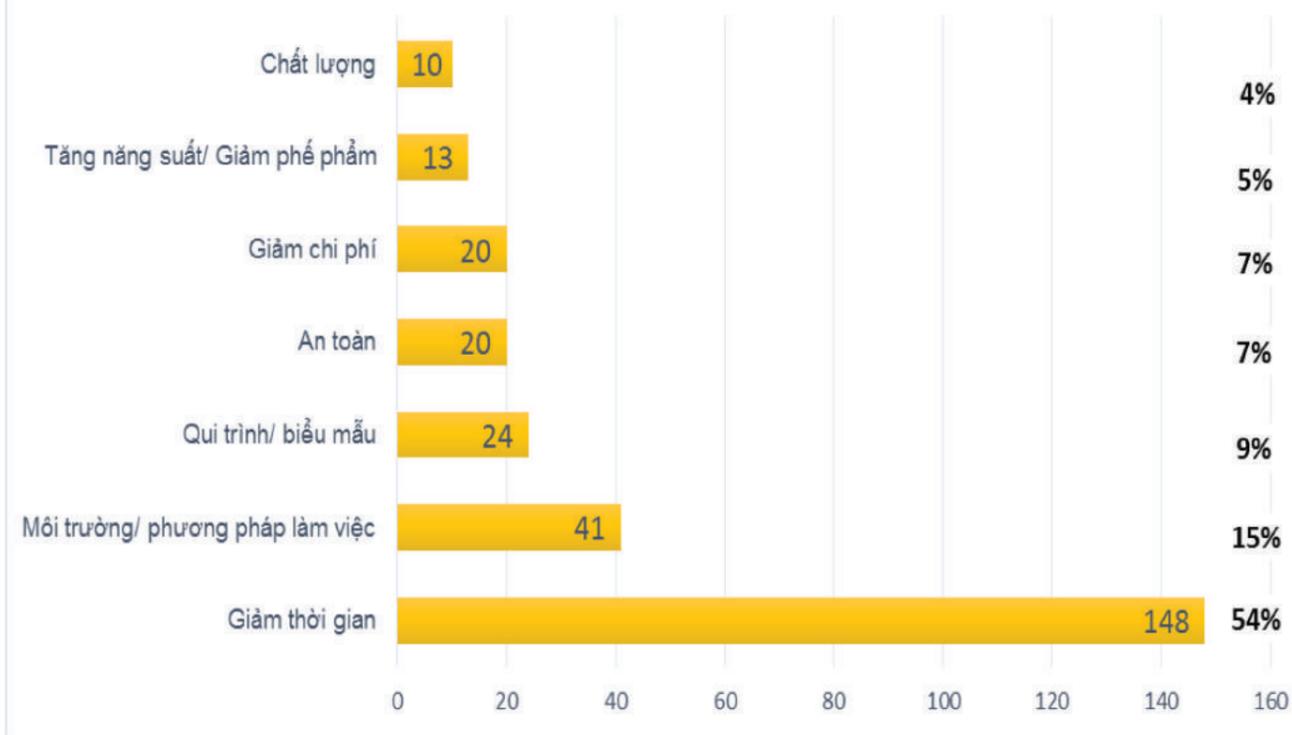


Hình ảnh CỬA HÀNG CHUẨN

### Những cơ cấu về tổ chức chính sách, quản lý.



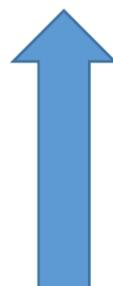
### Ý KIẾN VÀ % Ý KIẾN THEO CHỦ ĐỀ



### LỢI ÍCH ĐẠT ĐƯỢC



- 7.728 GIỜ/ NĂM
- 21.600.000 VNĐ/ NĂM
- 4.380 KG PHÉ PHẪM/ NĂM



- QUI TRÌNH ĐƯỢC CẬP NHẬT LIÊN TỤC
- ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
- MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÔNG THOÁNG
- 20 VỊ TRÍ/ KHU VỰC LÀM VIỆC ĐẢM BẢO AN TOÀN

### BÁO CÁO HÌNH ẢNH KHÓA ĐÀO TẠO A3 NĂM 2017

Hoạt động đào tạo A3

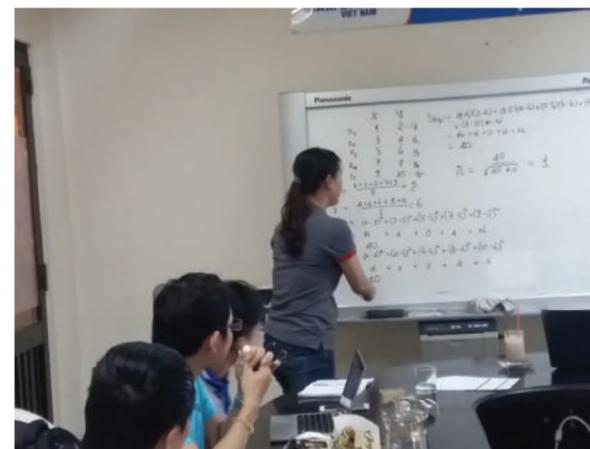


Bế giảng khóa đào tạo A3



### BÁO CÁO HÌNH ẢNH KHÓA ĐÀO TẠO 7 CÔNG CỤ THỐNG KÊ NĂM 2017

Hoạt động thực hành



Hoạt động thực hành



# BÁO CÁO HÌNH ẢNH KHÓA ĐÀO TẠO KAIZEN NĂM 2017

Hoạt động đào tạo



Hoạt động đào tạo

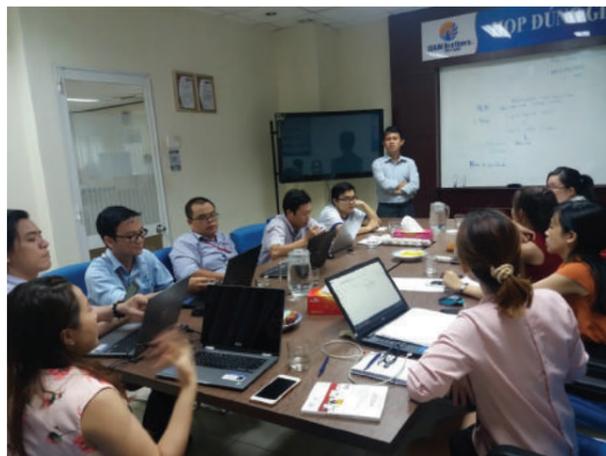


# BÁO CÁO HÌNH ẢNH KHÓA ĐÀO TẠO 5S NĂM 2017

Hoạt động đào tạo



Hoạt động đào tạo



## PHẦN VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	
NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Giấy chứng nhận đầu tư: Số 411033000030 ngày 7 tháng 7 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300812191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 2 năm 2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 7 tháng 6 năm 2017.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên
Ông Huỳnh Tấn Việt	Thành viên
Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Phụng Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Hải	Thành viên
Bà Ngọc Tú Đồng Khánh	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Tỷ	Thành viên (từ ngày 4 tháng 10 năm 2017)
Bà Lê Thị Ngọc	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2017)

**Ban Giám đốc**

Ông Fan Weng Kee	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Veerapong Sawatyanon - Chủ tịch

**Trụ sở chính:** Tòa nhà Anna, số 10, Công viên Phần mềm Quang Trung phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh:** Lô A201-A202, Đường C, Khu Công nghiệp Thái Hòa - Đức Hòa III xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

**Chi nhánh 2:** Lô E, Đường số 7, Khu Công nghiệp Thái Hòa xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

**Chi nhánh 3:** Lô E, Đường số 7, Khu Công nghiệp Thái Hòa xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

**Công ty kiểm toán:** Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giải thích đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc báo và các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đây, chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(Tray một Hội đồng Quản trị)

Veerapong Sawatyanon  
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

**BAO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kết theo của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán phù hợp với trình mức độ, hay nhất không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và trình bày hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)  
Lầu 8, Saigon Tower, 28 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: +84 (28) 38320794, www.pwc.com/vn

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Như một phần của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 2.2 được áp dụng để sửa đổi báo cáo tài chính năm 2016. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về báo cáo tài chính năm 2016 xét trên phương diện tổng thể.

**Thuyết minh và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**

Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0875-2018-005-1  
Chữ ký được ủy quyền

Lê Quang Đạo  
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 2845-2017-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM913  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính này, báo cáo tài chính kiểm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		401.485.041.027	465.067.831.674
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	163.552.547.226	202.099.071.899
111	Tiền		163.552.547.226	145.069.071.899
112	Các khoản tương đương tiền		-	57.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.869.018.513	4.975.154.050
121	Chứng khoán kinh doanh		6.054.238.503	5.552.354.237
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(185.219.990)	(573.200.187)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		162.038.758.032	203.463.351.807
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	115.827.832.802	148.826.755.537
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	35.809.335.778	28.836.952.524
133	Phải thu về cho vay ngắn hạn		493.901.778	10.344.804.510
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	6.757.119.326	24.263.567.845
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(7.306.217.237)	(8.718.738.809)
138	Tài sản thuế chờ xử lý		448.798.035	-
140	Hàng tồn kho	9	56.857.581.976	61.432.249.842
141	Hàng tồn kho		62.724.159.520	46.535.704.893
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.866.577.544)	(4.903.455.051)
150	Tài sản ngắn hạn khác		33.177.155.280	16.844.004.576
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	4.229.228.854	2.887.445.797
152	Thế GTGT được khấu trừ	14(b)	28.940.744.433	14.155.378.786
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.181.993	1.181.993

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		211.496.465.922	148.511.718.130
210	Các khoản phải thu dài hạn	7(b)	1.138.875.200	2.425.088.834
216	Phải thu dài hạn khác		1.138.875.200	2.425.088.834
220	Tài sản cố định		78.811.839.283	96.466.108.188
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	84.940.884.102	58.575.484.590
222	Nguyên giá		245.752.402.024	221.509.187.096
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(163.812.717.822)	(163.233.723.106)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	11(b)	13.025.454.952	20.790.450.303
225	Nguyên giá		18.877.508.006	34.623.112.020
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.852.053.144)	(7.832.661.717)
227	Tài sản cố định vô hình	11(c)	886.700.199	1.100.193.296
228	Nguyên giá		4.207.054.622	4.207.054.622
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.370.354.423)	(3.106.861.327)
240	Tài sản dở dang dài hạn		56.866.230.528	14.187.599.175
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	56.866.230.528	14.187.599.175
268	Tài sản dài hạn khác		74.678.530.941	45.432.921.933
281	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	68.446.542.008	40.133.981.120
282	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	5.230.978.075	5.298.940.813
270	TỔNG TÀI SẢN		612.981.506.949	617.519.549.804

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
300	HỢP PHẢI TRẢ		152.151.497.344	194.216.193.083
310	Nợ ngắn hạn		152.151.497.344	187.340.287.495
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.250.590.892	11.361.403.097
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.868.983.482	419.524.875
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(a)	9.052.068.308	7.050.687.554
314	Phải trả người lao động		4.528.289.686	4.076.317.300
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	18.025.729.383	15.869.089.330
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	5.371.902.911	13.248.750.505
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	28.850.524.420	2.510.481.202
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18(a)	55.810.704.273	132.807.053.542
322	Dự phòng phải trả dài hạn		5.654.753.808	-
330	Nợ dài hạn		2.368.583.546	6.875.005.588
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	117.200.000	117.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18(b)	1.792.200.045	6.758.905.588
342	Dự phòng phải trả dài hạn		459.383.500	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		458.461.426.059	423.363.356.721
410	Vốn chủ sở hữu		458.461.426.059	423.363.356.721
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	273.664.760.000	205.400.000.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		273.664.760.000	205.400.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	94.825.873.463	94.825.873.463
415	Cổ phiếu quỹ	21	(800.000.000)	(800.000.000)
417	Chiếm hữu tỷ giá hối đoái	21	14.907.588.048	14.907.588.048
421	Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối		75.863.423.548	108.970.114.210
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	1.725.010.096
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		75.863.423.548	107.245.104.114
440	TỔNG NGUỒN VỐN		612.981.506.949	617.519.549.804

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 02 - DN

**BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng	825.022.966.839	903.698.838.155
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(198.390.911)	(26.000.000)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	626.632.075.928	877.698.838.155
11	Giá vốn hàng bán	(202.847.387.352)	(292.381.537.136)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	423.784.688.576	585.317.301.019
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.482.049.888	3.534.911.237
22	Chi phí tài chính	(5.678.703.415)	(12.318.917.885)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(5.588.067.523)	(8.751.792.831)
25	Chi phí bán hàng	(39.834.962.707)	(32.675.551.819)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(49.356.300.961)	(47.403.603.010)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	129.589.601.381	122.417.339.542
31	Thu nhập khác	241.751.873	2.606.406.433
32	Chi phí khác	(15.520.291)	(1.031.796.565)
40	Lợi nhuận khác	226.231.582	1.574.609.868
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	129.815.832.963	124.011.549.414
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(17.265.047.079)	(17.822.754.087)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	534.290.282	1.055.908.791
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	113.095.076.166	107.245.104.114
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.199	6.754
71	Lãi cơ bản sau giảm trừ cổ phiếu	5.199	6.754

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 03 - DN

**BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	129.815.832.963	124.011.549.414
02	Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính	20.425.697.515	20.425.697.515
03	Các khoản dự phòng	1.521.992.224	4.969.892.255
04	Lãi nhận được từ các khoản đầu tư tài chính	(122.253.636)	(573.186.344)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.888.591.171)	(1.227.178.882)
06	Chi phí lãi vay	5.588.067.523	8.751.792.831
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vào thuế	158.448.728.472	158.218.868.678
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu	27.399.548.176	(92.558.253.382)
10	(Tăng)giảm hàng tồn kho	(6.189.456.823)	(11.282.028.444)
11	Tăng các khoản phải trả	8.763.100.823	6.758.886.076
12	Tăng chi phí trả trước	(30.856.344.802)	(95.526.112)
13	(Tăng)giảm chứng khoán kinh doanh	601.192.296	607.694.262
14	Tiền lãi vay đã trả	(5.588.067.523)	(8.751.792.831)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(15.388.437.526)	(14.913.323.094)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	123.899.299.711	90.839.119.894
30	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(45.835.000.521)	(42.544.971.825)
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	9.877.275	19.854.412.584
22	Thu hồi thành lập, nhượng bán TSCĐ	-	-
23	Chi cho vay	-	1.000.100.000
24	Thu hồi cho vay	-	5.809.122.807
27	Thu hồi đầu tư, cổ tức	2.177.176.906	892.396.624
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(43.647.823.342)	(18.733.143.899)
31	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-	(18.805.673.483)
32	Thu từ phát hành cổ phiếu	95.374.169.375	242.805.326.012
34	Chi trả nợ gốc vay	(171.411.100.700)	(227.060.408.281)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(6.008.072.463)	(11.267.434.383)
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(48.149.478.556)	(70.520.781.488)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(128.112.641.381)	(68.662.398.368)
80	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(68.899.292.992)	143.678.231.149
81	Tiền và tương đương tiền đầu năm	202.099.071.899	67.870.182.881
81	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	143.079.515	460.507.689
91	Tiền và tương đương tiền cuối năm	153.552.547.226	202.899.671.699

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày tại Thuyết minh 35(6).

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thu chủ chính của Công ty được đặt tại tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. ("Thu chủ chính") theo Giấy phép đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 1995 trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư.

Chi nhánh của Công ty ("Chi nhánh") được đặt tại Lô A201-A202, Đường C, Khu Công nghiệp Thái Hòa - Đức Hòa II, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5021/2000/09 do Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 30 tháng 9 năm 2008 trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Chi nhánh 2 của Công ty ("Chi nhánh 2") được đặt tại Lô E, Đường số 7, Khu Công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 2526/0057 do Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 8 tháng 7 năm 2017 trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Chi nhánh 3 của Công ty ("Chi nhánh 3") được đặt tại Lô E, Đường số 7, Khu Công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 3294211134 do Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất các loại dây thừng polypropylene (PP) và polyethylene (PE) dùng trong nông ngư nghiệp; sản xuất các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp; sản xuất và phát triển phần mềm máy tính; và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa và quyền phân phối các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp.

Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 145/QĐ-SGDHCM được ban hành bởi HOSE ngày 3 tháng 5 năm 2017 và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 05 tháng 5 năm 2017 (Mã chứng khoán: SBV) là ngày 16 tháng 5 năm 2017.

Chức vụ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 635 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 474 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc trung thực và khách quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Công ty đã áp dụng hồi tố thay đổi trong việc ghi nhận chi phí trích trước và doanh thu chưa thực hiện dựa trên số tiền thực tế đã cam kết chi trả cho những khách hàng đặt được các điều kiện của chương trình khuyến mãi. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 trở về trước, Công ty ghi nhận chi phí trích trước và doanh thu chưa thực hiện dựa trên giá vốn của hàng hóa, thành phẩm quy đổi mà Công ty sẽ thực tế chi trả cho khách hàng đặt được các điều kiện của chương trình khuyến mãi.

Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

(a) Ảnh hưởng của việc trình bày lại lên bảng cân đối kế toán như sau:

Mã	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Theo báo cáo trước đây VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
<b>TÀI SẢN</b>			
200 TÀI SẢN DÀI HẠN	147.772.925.831	738.792.299	148.511.718.130
260 Tài sản dài hạn khác	44.894.129.634	738.792.299	45.632.921.933
262 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	4.500.148.514		5.268.940.813
270 TỔNG TÀI SẢN	616.780.757.805	738.792.299	617.519.549.904
300 NỢ PHẢI TRẢ	186.828.270.193	7.387.922.980	194.216.193.083
310 Nợ ngắn hạn	179.952.364.515	7.387.922.980	187.340.287.495
315 Chi phí phải trả ngắn hạn	13.248.790.093	2.621.229.257	15.869.999.330
318 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	8.482.056.792	4.766.693.713	13.248.750.505
400 VỐN CHỦ SỞ HỮU	429.952.487.402	(6.649.130.681)	423.303.356.721
410 Vốn chủ sở hữu	429.952.487.402	(6.649.130.681)	423.303.356.721
421 Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	115.619.244.691	(6.649.130.681)	108.970.114.210
421b LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	113.894.234.793	(6.649.130.681)	107.245.104.114
440 TỔNG NGUỒN VỐN	616.780.757.805	738.792.299	617.519.549.904

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)**

(b) Ảnh hưởng của việc trình bày lại lên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Mã	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Theo báo cáo trước đây VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
01 Doanh thu bán hàng	508.465.531.868	(4.766.693.713)	503.698.838.155
10 Doanh thu thuần và bán hàng	508.439.531.868	(4.766.693.713)	503.672.838.155
20 Lợi nhuận gộp và bán hàng	216.047.594.732	(4.766.693.713)	211.280.901.019
21 Doanh thu hoạt động tài chính	3.535.925.083	(1.013.846)	3.534.911.237
22 Chi phí tài chính	(12.319.931.731)	1.013.846	(12.318.917.885)
23 Chi phí bán hàng	(30.054.722.582)	(2.021.229.267)	(32.075.951.849)
30 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	129.805.262.522	(7.387.922.980)	122.417.339.542
31 Thu nhập khác	2.979.202.195	(52.795.753)	2.926.406.433
32 Chi phí khác	(1.084.582.318)	52.795.753	(1.031.786.565)
40 Lợi nhuận khác	1.894.609.899	-	1.894.609.899
50 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	131.595.872.330	(7.387.922.980)	124.011.949.410
51 Chi phí thuế TNDN hiện hành	(17.822.754.087)	-	(17.822.754.087)
52 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	317.116.492	738.792.299	1.055.908.791
60 Lợi nhuận sau thuế TNDN	113.894.234.795	(6.649.130.681)	107.245.104.114
70 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.111	(367)	5.744

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)**

(c) Ảnh hưởng của việc trình bày lại lên báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

Mã	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Theo báo cáo trước đây VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01 Lợi nhuận kế toán trước thuế	131.595.872.330	(7.387.922.980)	124.011.949.410
08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi tài sản	163.606.875.556	(7.387.922.980)	156.218.952.576
11 Tăng các khoản phải trả	(912.063.509)	7.387.922.980	6.475.859.471
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	90.830.119.884	-	90.830.119.884
30 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	143.679.331.148	-	143.679.331.148
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	292.895.071.699	-	292.895.071.699

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chuyển lịch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chuyển lịch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ đi phần các khoản phải thu khi đối được ước tính dựa trên việc rà soát của Hội đồng Quản trị đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản này được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.8 Đầu tư**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi phần giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi và lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.9 Tài sản cố định**

**Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định được phân tích theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

**Khấu hao**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận đầu tư nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 33%
Máy móc thiết bị	6 - 50%
Phương tiện vận tải	10 - 33%
Thiết bị quản lý	13 - 33%
Quyển sử dụng đất	5%
Phần mềm máy vi tính	20 - 50%

Quyển sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An cấp.

**Thanh lý**

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản lý, hoặc cho bán vì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản dở dang hiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuế tài sản**

Việc thuế tài sản mà bán cho thuế chuyển giao phần lớn rơi vào lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuế tài chính. Thuế tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán liên thuế tối thiểu. Khoản thanh toán thuế tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ suất cố định trên số dư nợ thuế tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuế tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.10 Thuế tài sản (tiếp theo)**

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rơi vào lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bán cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thuế tài chính chi trả đã chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phần ảnh hưởng đáng kể trên thị trường hiện tại và giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng đã tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**2.17 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa hoặc số phải khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền hình. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

**2.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp do phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phân tích theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa là loại bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phần ảnh hưởng kết quả kinh doanh (BNI, lãi) sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.19 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.20 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Trụ sở chính đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Trụ sở chính không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Trụ sở chính sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận khi phù hợp với bản chất nội hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng xem theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu và các hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.22 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.23 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ, chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lãi liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay và tỷ lệ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.24 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phân ánh các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá chủ yếu bao gồm chi phí lương của nhân viên bán hàng, chi phí khuyến mãi, chi phí vận chuyển, chi phí khảo sát thị trường, và các chi phí bằng tiền khác.

**2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phân ánh các chi phí quản lý chung của Chi nhánh 2 chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý (tính lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê mướn tài sản, khoản lập dự phòng phát triển kinh doanh, chi phí mua ngoài, và chi phí bằng tiền khác.

**2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi các định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoài từ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa để sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự kiến được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.27 Chia cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 Báo cáo bộ phận**

Công ty chủ yếu bán các loại dây thừng biển và các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị dùng trong nghề, ngư nghiệp. Do đó, Công ty chỉ hoạt động trong bộ phận này, về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	250.389.375	295.134.959
Tiền gửi ngân hàng	153.302.157.851	144.803.636.740
Các khoản tương đương tiền (*)	-	57.000.000.000
	<b>153.552.547.226</b>	<b>202.099.071.699</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**b) Phải thu dài hạn khác**

	2017 VND	2016 VND
Kỳ quỹ, kỳ cước	1.138.875.200	2.425.086.534

**8 NỢ QUÁ HẠN**

	2017			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Ngày
Nợ quá hạn				
Ashar Thai International Co., Ltd	2.055.310.260	1.248.802.658	(806.417.603)	380 - 720
Swee Myint Aung Công ty Cổ phần Tập đoàn Tri Tuệ Việt Nam	2.453.048.836	735.914.051	(1.717.134.185)	720 - 1.090
	3.286.917.117	-	(2.386.917.117)	> 1.090
	4.029.870.777	1.633.822.442	(2.395.748.332)	38 - 2.932
	<b>10.924.946.990</b>	<b>3.616.729.754</b>	<b>(7.308.217.237)</b>	

	2016			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Ngày
Nợ quá hạn				
Ashar Thai International Co., Ltd	2.497.985.634	2.228.289.740	(272.695.894)	180 - 360
Swee Myint Aung Công ty Cổ phần Tập đoàn Tri Tuệ Việt Nam	2.386.917.117	-	(2.386.917.117)	> 1.090
	4.147.894.219	1.317.988.006	(2.829.896.209)	38 - 2.620
	<b>11.491.226.143</b>	<b>4.772.487.334</b>	<b>(6.718.738.806)</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**9 HÀNG TỒN KHO**

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	950.950.000	-	1.937.525.850	-
Nguyên vật liệu	20.974.117.530	-	18.656.886.585	(950.753.380)
Công cụ dụng cụ	3.638.317.858	-	3.211.296.309	(313.897.876)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	913.342.254	-	305.174.897	-
Thành phẩm	21.891.345.378	(1.341.430.923)	6.032.887.898	(1.199.048.077)
Hàng hóa	14.319.046.202	(4.525.166.621)	14.424.140.938	(2.428.755.718)
Hàng gửi bán	-	-	2.017.752.508	-
	<b>42.724.159.920</b>	<b>(5.866.597.544)</b>	<b>45.535.704.893</b>	<b>(4.933.455.051)</b>

Biên động và dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	4.903.455.051	3.770.404.751
Tăng dự phòng	2.719.256.170	1.133.050.300
Hoàn nhập dự phòng	(1.755.113.077)	-
Số dư cuối năm	<b>5.866.597.544</b>	<b>4.903.455.051</b>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	2017 VND	2016 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dụng	3.885.156.489	2.562.234.381
Chi phí sửa chữa và bảo trì	184.188.836	184.188.836
Chi phí mua bảo hiểm	231.508.768	231.508.768
Khác	128.376.761	125.211.416
	<b>4.229.228.854</b>	<b>2.687.445.797</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chiếm khoản kinh doanh

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
1 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	28.830	1.103.908.520	1.004.300.000	(91.525.920)
2 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	29.580	840.368.840	836.150.000	(56.800.800)
3 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	9.820	810.228.836	836.880.000	-
4 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	16.100	793.773.784	846.830.000	-
5 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	24.880	601.898.880	628.870.000	-
6 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	32.160	832.440.160	832.900.000	-
7 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	15.580	388.885.000	613.200.000	-
8 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	320	106.000.000	167.000.000	-
9 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	770	151.452.000	146.000.000	-
10 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	99.000	-
11 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	613.257.600	-
12 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	44.079.556	-
13 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	27.425.102	-
14 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	1.215.450	-
15 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	5.602.344.137	-
16 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
17 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
18 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
19 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
20 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
21 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
22 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
23 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
24 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
25 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
26 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
27 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
28 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
29 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
30 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
31 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
32 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
33 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
34 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
35 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
36 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
37 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
38 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
39 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
40 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
41 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
42 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
43 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
44 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
45 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
46 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
47 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
48 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
49 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
50 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
51 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
52 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
53 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
54 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
55 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
56 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
57 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
58 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
59 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
60 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
61 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
62 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
63 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
64 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
65 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
66 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
67 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
68 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
69 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
70 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
71 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
72 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
73 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
74 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
75 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
76 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
77 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
78 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
79 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
80 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
81 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
82 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
83 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
84 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
85 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
86 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
87 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
88 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
89 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
90 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
91 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
92 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
93 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
94 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
95 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
96 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
97 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
98 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
99 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-
100 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn	-	-	6.003.482.300	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	33.811.203.541	148.856.775.533
Hoàng Thị Thủy Anh	5.500.573.070	2.878.189.728
Cửa hàng Lâm Thanh	2.697.940.278	3.216.731.893
Cửa hàng Hoàng Nhật	2.670.202.847	1.353.263.957
Swee Myint Aung	2.453.048.937	2.458.459.177
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tri Tuệ Việt Nam	2.386.917.117	2.386.917.117
Ashar Thai International Co., Ltd	2.055.310.260	2.073.159.104
Khác	16.047.211.132	132.490.054.559
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	82.010.629.201	69.990.004
	<b>115.827.832.802</b>	<b>148.926.755.537</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 10.924.946.990 đồng và 11.491.226.143 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	5.268.516.302	899.910.808
PTT Polymer Marketing Company Limited	2.973.024.000	2.973.024.000
Khác	2.295.492.302	899.910.808
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	30.540.819.026	27.737.051.718
	<b>35.809.335.328</b>	<b>28.636.962.524</b> </

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

a) **Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 130.507 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 100.032 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 26.525 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 26.815 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngắn hạn (Thuyết minh 18).

b) **Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND	
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	34.823.112.020	
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(15.745.003.924)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	18.877.508.096	
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.832.681.717	
Khấu hao trong năm	3.443.004.458	
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(5.423.613.031)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.852.053.144	
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	26.790.460.303	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	13.025.454.952	

Công ty thuê thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau và cuối mỗi kỳ của hợp đồng thuê Công ty có quyền chọn mua lại thiết bị theo giá thỏa thuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

c) **Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.728.847.384	1.478.207.238	4.207.054.622
và ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.728.847.384	1.478.207.238	4.207.054.622
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.728.847.384	378.013.943	3.106.861.327
Khấu hao trong năm	-	263.493.096	263.493.096
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.728.847.384	641.507.039	3.370.354.423
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	1.100.193.295	1.100.193.295
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	836.700.199	836.700.199

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị là 2.890 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.729 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngắn hạn (Thuyết minh 18).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.890 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.729 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngắn hạn (Thuyết minh 18).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG**

	2017 VND	2016 VND
Nhà cửa	28.723.377.967	8.609.027.856
Máy móc thiết bị	25.584.572.386	5.315.846.500
Phần mềm máy vi tính	2.568.280.175	-
Thiết bị văn phòng	-	262.724.819
	56.866.230.528	14.187.599.175

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dổi dang trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	14.187.599.175	440.818.999
Mua sắm	53.901.750.521	14.936.510.175
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(11.223.119.168)	(740.729.996)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11(c))	-	(440.000.000)
Số dư cuối năm	56.866.230.528	14.187.599.175

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2017 VND	2016 VND
Bán thu ba	18.596.050.027	11.095.865.097
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	8.820.900.000	-
Amos Pacific Co., Ltd	1.682.794.750	1.685.753.510
Công ty Cổ phần Hòa Nhuệ Sài Gòn	1.575.000.000	-
Khác	6.517.355.277	2.410.111.587
Bán liên quan (Thuyết minh 36(b))	684.510.865	265.628.000
	19.280.560.892	11.361.483.097

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI) THU/PHẢI NỘP NGẮN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản (phải) thu/ phải nộp ngắn sách Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phải nộp/ phải thu trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	4.213.340.349	(4.070.960.591)	142.379.758
Thuế thu nhập cá nhân	309.295.157	2.780.715.940	(2.795.334.093)	571.676.910
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.481.392.397	17.255.047.079	(15.388.427.536)	8.348.011.941
	7.050.887.554	24.257.102.974	(22.245.722.218)	9.062.268.309
b) Phải thu				
Thuế nhập khẩu	(1.181.963)	-	-	(1.181.963)
Thuế GTGT	(14.155.378.796)	(82.246.748.001)	47.455.380.414	(28.945.744.433)
	(14.156.560.759)	(82.246.748.001)	47.455.380.414	(28.947.926.428)

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí khuyến mãi	15.265.099.810	9.833.576.478
Thu lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	3.100.000.000	3.820.000.000
Khác	509.639.573	2.616.412.852
	18.874.739.383	16.269.989.330

**16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thông	5.371.902.911	13.248.750.505

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**17 PHẢI TRẢ KHÁC**

a) **Phải trả ngắn hạn khác**

	2017 VND	2016 VND
Cổ tức phải trả	26.315.864.135	1.779.969.660
Cho các bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	23.626.927.860	823.024.160
Khác	2.666.936.273	936.940.900
Thu lao Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 36(b))	1.911.261.429	-
Khác	623.398.856	730.491.543
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	-	229.258.000
Bên thứ ba	623.398.856	509.233.542
	28.850.524.420	2.910.461.202

b) **Phải trả dài hạn khác**

	2017 VND	2016 VND
Kỹ quỹ, kỹ cược	117.000.000	117.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**18 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

a) **Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng VND	Chuyển sang kỳ kế tiếp VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay ngắn hạn	124.333.835.665	86.373.708.375	(168.744.494.039)	56.963.050.001
Vay dài hạn ngắn hạn đến hạn (Thuyết minh 10(b))	4.005.606.000	-	(3.968.686.604)	36.919.396
Nợ thuế tài chính đến hạn	2.005.581.113	-	(5.928.072.483)	4.186.867.317
	130.344.022.778	86.373.708.375	(177.737.234.189)	56.876.744.373

(\*) Chi tiết số dư cuối kỳ của các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

	2017 VND	2016 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (i)	10.715.190.000	68.698.618.715
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (ii)	40.247.900.001	55.825.216.500
	50.963.090.001	124.523.835.215

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 70.000 triệu đồng). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Chi nhánh và giá trị còn lại là 2.890 triệu đồng và 5.07 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.708 triệu đồng và 33.732 triệu đồng) và bằng tài sản thế chấp của Công ty với giá trị ghi sổ như nhất là 40.000 triệu đồng và 35.000 triệu đồng.

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 100.000 triệu đồng). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Trụ sở chính và giá trị ghi sổ là 1.220 triệu đồng và 2.729 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.407 triệu đồng và 2,28 triệu đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**18 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b) **Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng VND	Chuyển sang kỳ kế tiếp VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay ngắn hạn (*)	666.666.355	-	(666.666.355)	-
Nợ thuế tài chính	6.092.236.233	461.000	(4.300.500.187)	1.792.200.046
	6.758.902.588	461.000	(4.967.166.542)	1.792.200.046

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngắn hạn được trình bày như sau:

	2017 VND	2016 VND
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	666.666.355	3.333.333.019
Trong đó:		
Khoản vay dài hạn đến hạn trả	(666.666.355)	(2.666.666.664)
	-	666.666.355

Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.000 triệu đồng). Khoản vay chịu lãi suất 9,2%/năm và được hoàn trả trong vòng 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất của Chi nhánh 2 với giá trị lần lượt là 17.413 triệu đồng và 32.873 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.708 triệu đồng và 33.732 triệu đồng) và bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

c) **Nợ thuế tài chính**

	2017 VND		
	Tổng nợ thuế tài chính VND	Chi phí thuế VND	Nợ gốc VND
Dưới 1 năm	4.512.007.934	331.080.017	4.180.927.917
Từ 1 đến 5 năm	1.875.949.011	83.748.965	1.792.200.046
	6.387.956.945	414.828.982	5.973.127.963

	2016 VND		
	Tổng nợ thuế tài chính VND	Chi phí thuế VND	Nợ gốc VND
Dưới 1 năm	6.561.524.457	754.963.244	5.806.561.213
Từ 1 đến 5 năm	6.455.982.839	363.743.606	6.092.239.233
	13.017.507.296	1.118.706.850	11.898.800.446

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**19 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	75.320.175	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	5.155.657.000	5.298.940.813
	5.230.977.075	5.298.940.813

Biến động về thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ của số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	5.298.940.813	4.243.032.022
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 33)	534.200.282	1.055.908.791
Ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu	(602.293.020)	-
Số dư cuối năm	5.230.977.075	5.298.940.813

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ của các khoản dự phòng, chi phí phải trả ngắn hạn và chênh lệch trị giá hội đồng.

**20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

a) **Số lượng cổ phiếu**

	2017		2016	
	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu ưu đãi	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	27.366.476	-	20.540.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	27.366.476	-	20.540.000	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(80.000)	-	(80.000)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.306.476	-	20.460.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

a) Số lượng cổ phiếu (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng, mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một cổ phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được mua lại.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	17.902.900	85,56	13.427.182	85,37
Ông Veerapong Sawatyanon	1.068.095	3,91	800.000	3,89
Ông Athapatt Sawatyanon	1.066.095	3,91	800.000	3,89
Vietnam Holding Limited	-	-	2.000.000	9,74
Cổ đông khác	7.270.235	29,62	3.452.818	17,11
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>27.306.475</b>	<b>100,00</b>	<b>20.480.000</b>	<b>100,00</b>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu		Cổ phiếu ưu đãi		Tổng cộng
	Số cổ phiếu	Thương	Ưu đãi	Tổng cộng	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	18.280.000	16.280.000	-	16.280.000	
Cổ phiếu mới phát hành	4.200.000	4.200.000	-	4.200.000	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	20.480.000	20.480.000	-	20.480.000	
Cổ phiếu mới phát hành	8.826.475	6.826.475	-	6.826.475	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	27.306.475	27.306.475	-	27.306.475	

Hội đồng Quản trị đã chấp thuận sử dụng số tiền từ được từ cổ phiếu phát hành trong năm 2016 để tài trợ cho việc xây dựng nhà máy mới (nhà máy số 4) và bổ sung vốn lưu động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số tiền chi trả cho xây dựng nhà máy số 4 là 102.164.038.000 đồng bằng dự định nhà máy, 29.573.598.800 đồng, mua máy móc thiết bị 44.530.000.000 đồng, thuê đất 28.001.042.700 đồng và số tiền bổ sung vốn lưu động là 25.782.307.375 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư tích lũy VND	Thặng dư tích lũy VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	183.400.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	185.400.000.000
Phát hành cổ phiếu phổ thông (Trên thị trường)	42.000.000.000	63.025.873.453	-	105.025.873.453
Phát hành cổ phiếu ưu đãi (Trên thị trường)	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	225.400.000.000	6.625.873.453	6.625.873.453	238.651.749.306
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017	50.000.000.000	50.000.000.000	-	100.000.000.000
Từ ngày 31 tháng 12 năm 2017	273.400.000.000	6.625.873.453	6.625.873.453	286.651.749.306

(\*) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2017, Công ty đã quyết định phân phối tiền cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông theo tỷ lệ 10% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền 30.720.000.000 đồng (tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(\*\*\*) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua ngày 4 tháng 10 năm 2017, Công ty quyết định phân phối cổ tức bằng cổ phiếu thường với tỷ lệ 3:1 tương đương với 6.826.475 cổ phiếu (Thuyết minh 20). Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ưu đãi ngày 21 tháng 12 năm 2017. Số lượng cổ phiếu thường trên đã được Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 1 năm 2018.

**23 CỔ TỨC:**

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.779.969.890	53.356.032.515
Cổ tức phải trả trong năm	139.944.760.000	40.960.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng cổ phiếu	(88.264.760.000)	-
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(46.149.476.550)	(70.520.751.486)
Điều chỉnh khác	(994.628.975)	(22.015.311.387)
Số dư cuối năm	26.315.864.135	1.779.969.890

**24 THUYẾT MINH VỀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu số của lợi nhuận thuần phần bỏ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và nắm giữ làm cổ phiếu quỹ.

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần phần bỏ cho các cổ đông (VND)	113.995.076.188	107.245.104.114
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(5.654.753.008)	-
	107.440.323.358	107.245.104.114

Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)

	2017 VND	2016 VND
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	20.667.027	18.638.904
	5.199	5.754

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**24 THUYẾT MINH VỀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2017 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 của Công ty do cổ đông quyết định trong Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 4 tháng 10 năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 đã được tính lại do trình bày lại báo cáo tài chính năm trước (Thuyết minh 2.2) như sau:

	Trình bày lại	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phần bỏ cho các cổ đông (VND)	(6.649.130.681)	107.245.104.114
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	-	18.638.904
		5.754

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẦN ĐỐI KẾ TOÁN**

(a) Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 791.482 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.341.113 Đô la Mỹ).

(b) Tài sản thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế từ thiếu trong tương lai theo hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang là 2.756.188.407 đồng và 1.957.453.625 đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 37).

(c) Hàng nhận giữ hộ

Chi tiết hàng nhận giữ hộ được liệt kê như bên dưới:

Loại hàng	Đơn vị	2017 Số lượng	2016 Số lượng
Thành phẩm dây thừng	Kilogram	730.557	794.217

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**26 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu	525.022.966.839	503.608.838.155
Doanh thu bán hàng	-	-
Các khoản giảm trừ	(198.390.911)	(26.000.000)
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	524.824.575.928	503.672.838.155
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	-	-

**27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	301.884.214.850	291.248.886.836
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	953.142.493	1.133.050.300
	302.847.357.343	292.381.937.136

**28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.809.255.836	1.424.900.134
Cổ tức được chia	367.915.070	285.805.000
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	122.253.636	573.196.344
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	97.546.183	1.248.882.231
Lãi từ việc bán các khoản đầu tư tài chính	83.990.491	3.224.663
Khác	988.892	842.165
	2.482.049.888	3.534.911.237

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền vay	5.588.067.523	6.761.792.631
Lãi do bán các khoản đầu tư tài chính	375.850.965	493.116.869
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện (hoàn nhập dự phòng/dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh)	(388.012.197)	420.830.542
Khác	403.811	2.187.504
	5.678.703.415	12.318.917.885

**30 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	4.772.054.007	4.154.101.342
Chi phí khuyến mãi	20.059.475.819	19.243.369.145
Chi phí vận chuyển	4.002.431.743	2.469.749.209
Chi phí nghiên cứu thị trường	1.829.660.500	1.050.757.000
Chi phí công tác	726.212.790	970.305.039
Khác	8.444.818.848	8.847.670.084
	39.834.662.707	32.675.951.819

**31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	21.089.034.857	13.398.981.013
Chi phí thuê	3.324.807.878	2.348.617.418
Chi phí dịch vụ chuyên môn	1.976.706.418	3.503.433.777
Chi phí dùng cụ văn phòng	1.684.072.887	2.053.130.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.622.963.037	1.456.963.125
Dự phòng nợ khó đòi	587.478.428	3.480.796.300
Chi phí công tác	511.487.388	718.571.148
Khác	18.559.256.268	20.485.110.139
	49.356.300.961	47.493.603.019

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**32 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập khác	3.086.685	52.644.827
Lãi do thanh lý tài sản cố định	238.505.188	2.420.417.238
Thu nhập từ tiền phạt liên quan đến thuế đất	241.751.873	2.826.406.433
Chi phí khác	-	959.448.326
Trích trước liên phát thuế	15.520.291	72.250.239
Khác	15.520.291	1.031.706.565

**33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế tiền lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	129.815.832.963	124.011.949.410
Thuế tính ở thuế suất 20%	25.963.166.590	24.802.398.880
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(141.842.743)	(37.173.000)
Chi phí không được khấu trừ	1.042.894.028	1.165.258.807
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	424.480.948
Thuế được giảm	(10.276.694.488)	(11.788.120.927)
Dự phòng thuế của năm trước	133.232.407	2.230.009.587
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	16.720.758.797	16.786.845.296
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	17.255.047.079	17.822.754.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành (Thuyết minh 19)	(534.290.282)	(1.055.908.791)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	16.720.758.797	16.786.845.296

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 – DN

**34 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	116.528.282.708	144.965.917.319
Chi phí nhân viên	75.944.709.874	56.737.647.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.425.667.515	23.409.150.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.253.369.486	28.352.295.396
Khác	63.296.315.257	56.610.859.809
	306.448.404.841	312.105.837.100

**35 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2017 VND	2016 VND
Cần trừ khoản phải thu khác từ các bên liên quan với cổ tức phải trả	-	21.563.022.187
Thu nhập lãi cho vay được vốn hóa vào phải thu về cho vay ngắn hạn	168.300.000	734.633.438
Cần trừ khoản nợ phải thu từ người lao động với khoản phải trả cho người lao động	-	1.333.403.332
Cần trừ khoản kỳ quỹ, kỳ cước dài hạn với nợ thuế tài chính	-	246.587.500
Cần trừ khoản cho vay ngắn hạn với phải trả do mua tài sản cố định	6.621.850.000	-
Phát hành cổ phiếu thường	68.264.760.000	-
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	5.947.508.240
Phải thu thuế GTGT từ hợp đồng thuê tài chính mới	-	584.750.824

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2017 VND	2016 VND
Vay theo kế hoạch thông thường	95.374.169.375	242.895.336.012

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**35 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2017 VND	2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	171.411.100.703	227.090.466.201

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty là một công ty cổ phần, danh sách cổ đông chủ chốt được trình bày tại Thuyết minh 20(b).

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Mối quan hệ với các bên liên quan được thể hiện trong bảng sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên Hội đồng Quản trị
3	Bà Ngô Từ Đồng Khanh	Thành viên Hội đồng Quản trị
4	Ông Fan Weng Kee	Tổng Giám đốc
5	Ông Huỳnh Tấn Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị
6	Ông Lê Phụng Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
7	Ông Huỳnh Văn Tý	Thành viên Hội đồng Quản trị
8	Bà Lê Thị Ngọc	Thành viên Hội đồng Quản trị
9	Ông Nguyễn Trường Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị
10	Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Ông Veerapong Sawatyanon
12	Công ty Cổ phần VFD	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Bà Ngô Từ Đồng Khanh
13	Công ty TNHH TM Nghĩa Thái	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Ông Huỳnh Văn Tý
14	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Bà Ngô Từ Đồng Khanh
15	Công ty TNHH ITMS Việt Nam	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Bà Ngô Từ Đồng Khanh
16	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Bà Ngô Từ Đồng Khanh
17	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Ông Veerapong Sawatyanon
18	Cửa hàng Ngọc Tỷ	Công ty được sở hữu bởi thành viên Hội đồng Quản trị - Bà Lê Thị Ngọc

43

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái	140.205.734.105	-
Cửa hàng Ngọc Tỷ	121.683.811.671	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	7.539.909.589	5.454.546
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	59.109.091	-
Công ty Cổ phần VFD	7.272.728	-
	<u>259.495.637.191</u>	<u>5.454.546</u>
<b>ii) Mua hàng hóa</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	2.770.389.589	2.287.986.208
Thành viên Hội đồng Quản trị	365.818.194	237.708.098
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	3.136.207.793	2.944.795.304
	<u>6.272.415.576</u>	<u>5.469.490.610</u>
<b>iii) Mua dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	5.350.021.800	5.553.110.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	677.361.089	361.701.605
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	493.585.273	796.254.092
Công ty TNHH ITMS Việt Nam	125.454.546	-
	<u>6.646.422.708</u>	<u>6.711.065.697</u>
<b>iv) Mua tài sản cố định</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	26.311.888.392	3.700.800.000
	<u>26.311.888.392</u>	<u>3.700.800.000</u>
<b>v) Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi khác	3.411.653.573	3.219.441.025
	<u>3.411.653.573</u>	<u>3.219.441.025</u>
<b>vi) Xây dựng nhà máy số 4</b>		
Công ty Cổ phần VFD	16.105.636.219	-
	<u>16.105.636.219</u>	<u>-</u>

44

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
<b>vii) Chia có tức</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	26.854.364.000	-
Ông Itthapat Sawatyanon	1.520.000.000	-
Ông Veerapong Sawatyanon	1.520.000.000	-
Ông Huỳnh Văn Tý	780.000.000	-
Bà Lê Thị Ngọc	380.000.000	-
Ông Nguyễn Trường Hải	79.252.800	-
Ông Huỳnh Tấn Việt	66.424.000	-
Ông Lê Trần Anh Tuấn	62.588.000	-
Ông Lê Phụng Hào	20.352.800	-
Bà Ngô Từ Đồng Khanh	38.000	-
Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái	100.000.000	-
	<u>31.363.017.600</u>	<u>-</u>
<b>viii) Thu hồi tiền thuê đất</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	16.673.728.641	1.823.265.455
	<u>16.673.728.641</u>	<u>1.823.265.455</u>
<b>ix) Trả tiền thuê đất</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	25.506.361.864	-
	<u>25.506.361.864</u>	<u>-</u>
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Cửa hàng Ngọc Tỷ	50.021.800.796	-
Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái	24.009.210.620	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	7.816.905.045	66.287.204
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	66.712.900	3.692.800
	<u>82.616.528.261</u>	<u>69.980.004</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	29.498.530.105	26.673.727.337
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	1.072.288.921	1.063.324.379
	<u>30.540.819.026</u>	<u>27.737.051.716</u>

45

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))</b>		
Tam ứng cho ông Fan Weng Kee	579.086.572	1.023.875.034
Tam ứng cho bà Ngô Từ Đồng Khanh	1.849.415.496	2.104.943.496
Tam ứng cho ông Veerapong Sawatyanon	1.057.368.705	830.253.705
Tam ứng cho ông Huỳnh Tấn Việt	-	53.988.500
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	-	16.673.728.941
	<u>3.485.872.773</u>	<u>20.686.790.076</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	396.793.980	265.628.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	204.082.796	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	63.634.089	-
	<u>664.510.865</u>	<u>265.628.000</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17(a))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	20.342.195.180	201.422.160
Ông Veerapong Sawatyanon	2.504.781.429	-
Ông Itthapat Sawatyanon	1.680.460.000	-
Ông Huỳnh Văn Tý	570.000.000	-
Bà Lê Thị Ngọc	286.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái	75.000.000	-
Ông Nguyễn Trường Hải	59.439.800	-
Ông Lê Phụng Hào	15.264.500	-
Bà Ngô Từ Đồng Khanh	28.500	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	-	846.860.000
	<u>25.538.189.289</u>	<u>1.048.282.160</u>

46

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM** Mẫu số B 09 - DN

**37 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2017 VND	2016 VND
<b>Thuê văn phòng, thuê xe</b>		
Dưới 1 năm	2.753.573.535	1.506.453.625
Từ 1 đến 5 năm	2.614.872	491.000.000
	<u>2.756.188.407</u>	<u>1.997.453.625</u>
<b>38 CAM KẾT VỐN</b>		
Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:		
	2017 VND	2016 VND
Nhà xưởng và máy móc	560.868.002	88.206.861.783

Báo cáo tài chính của Công ty đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Đặng Thị Mỹ Kim  
Người lập/Kế toán trưởng

Veerapong Sawatyanon  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

47